

ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐIỆN - ĐIỆN TỬ



ĐỒ ÁN
TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Đề tài:

Sinh viên thực hiện: Hoàng Anh Tuấn
Lớp ĐTVT 03 - K63
Giảng viên hướng dẫn: TS.

Hà Nội 3/2021

ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐIỆN - ĐIỆN TỬ



ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Đề tài:

Sinh viên thực hiện: Hoàng Anh Tuấn
Lớp ĐTVT 03 - K63
Giảng viên hướng dẫn: TS.
Cán bộ phản biện :

Hà Nội 3/2021

LỜI NÓI ĐẦU

Phần này trình bày một cách rất khái quát (khoảng 1 đến 2 trang) với bối cảnh hình thành và mục đích đồ án. Lời cảm ơn với những tổ chức và cá nhân góp phần trong việc hoàn thiện đồ án(nếu có) nên đặt cuối mục này

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là HOÀNG ANH TUẤN, mã số sinh viên xxx, sinh viên lớp yyy, khóa zzz, người hướng dẫn là TS.. Tôi xin cam đoan toàn bộ nội dung được trình bày trong đồ án là kết quả quá trình tìm hiểu và nghiên cứu của tôi. Các dữ liệu được nêu trong đồ án là hoàn toàn trung thực, phản ánh kết quả đo đạc thực tế. Mọi thông tin trích dẫn đều tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ; các tài liệu tham khảo được liệt kê rõ ràng. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm với những nội dung được viết trong đồ án này.

Hà Nội, ngày tháng năm

Người cam đoan

HOÀNG ANH TUẤN

MỤC LỤC

DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	i
DANH MỤC KÝ HÌNH VẼ	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
TÓM TẮT ĐỒ ÁN	v
PHẦN MỞ ĐẦU	vi
Đặt vấn đề	vi
Đề xuất hệ thống	vi
Cấu trúc đồ án	vi
CHƯƠNG 1. THIẾT KẾ KIẾN TRÚC HỆ THỐNG	1
1.1 Yêu cầu hệ thống	1
1.1.1 Yêu cầu về người dùng hệ thống	1
1.1.2 Yêu cầu chức năng	1
1.1.3 Yêu cầu phi chức năng	3
1.2 Phân tích tổng quan hệ thống	3
1.2.1 Sơ đồ use case	3
1.2.2 Sơ đồ kiến trúc hệ thống	6
1.2.3 Sơ đồ khối phần mềm	6
1.2.4 Sơ đồ tuần tự	9
CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ CHI TIẾT HỆ THỐNG	21
2.1 Công nghệ sử dụng	21
2.2 Thiết kế cơ sở dữ liệu	21
2.2.1 Xây dựng mô hình thực thể liên kết	21

2.2.2	Chuyển mô hình thực thể liên kết sang mô hình quan hệ	21
2.2.3	Mối quan hệ dữ liệu	22
2.2.4	Chuẩn hoá 3NF	22
2.2.5	Từ điển dữ liệu	22
2.3	Phân tích chi tiết hệ thống	25
2.3.1	Thiết kế giao diện	25
2.3.2	Thiết kế API	25
2.3.3	Sơ đồ lớp	25
2.3.4	Sơ đồ tuần tự	30
CHƯƠNG 3. TRIỂN KHAI VÀ KIỂM THỬ		42
KẾT LUẬN		43
Kết luận chung		43
Hướng phát triển		43
Kiến nghị và đề xuất		43
TÀI LIỆU THAM KHẢO		44
PHỤ LỤC		45

DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App	4
Hình 1.2	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App	4
Hình 1.3	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App	4
Hình 1.4	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App	5
Hình 1.5	Kiến trúc hệ thống	6
Hình 1.6	Kiến trúc hệ thống	7
Hình 1.7	Kiến trúc hệ thống	8
Hình 1.8	Kiến trúc hệ thống	9
Hình 1.9	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App	10
Hình 1.10	Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập trên App	11
Hình 1.11	Sơ đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu trên App	12
Hình 1.12	Sơ đồ tuần tự chức năng xem lịch sử các lần đo trên App	13
Hình 1.13	Sơ đồ tuần tự chức năng xem thay đổi thông tin cá nhân trên App .	14
Hình 1.14	Sơ đồ tuần tự chức năng đổi mật khẩu trên App	15
Hình 1.15	Sơ đồ tuần tự chức năng xem/gửi tin nhắn trên App	16
Hình 1.16	Sơ đồ tuần tự chức năng xem bài đăng tin tức trên App	17
Hình 1.17	Sơ đồ tuần tự chức năng bật/tắt Bluetooth trên App	18
Hình 1.18	Sơ đồ tuần tự chức năng kết nối Bluetooth với thiết bị đo điện tim trên App	19
Hình 1.19	Sơ đồ tuần tự chức năng ngắt kết nối Bluetooth với thiết bị đo điện tim trên App	19
Hình 1.20	Sơ đồ tuần tự chức năng tiến hành đo điện tim trên App	20
Hình 1.21	Sơ đồ tuần tự chức năng kết thúc quá trình đo điện tim trên App . .	20
Hình 2.1	Sơ đồ lớp	25
Hình 2.2	Sơ đồ lớp	26
Hình 2.3	Sơ đồ lớp	27
Hình 2.4	Sơ đồ lớp	28

Hình 2.5	Sơ đồ lớp	29
Hình 2.6	Sơ đồ lớp	30
Hình 2.7	Sơ đồ tuần tự	30
Hình 2.8	Sơ đồ tuần tự	31
Hình 2.9	Sơ đồ tuần tự	31
Hình 2.10	Sơ đồ tuần tự	32
Hình 2.11	Sơ đồ tuần tự	32
Hình 2.12	Sơ đồ tuần tự	33
Hình 2.13	Sơ đồ tuần tự	33
Hình 2.14	Sơ đồ tuần tự	34
Hình 2.15	Sơ đồ tuần tự	34
Hình 2.16	Sơ đồ tuần tự	35
Hình 2.17	Sơ đồ tuần tự	35
Hình 2.18	Sơ đồ tuần tự	36
Hình 2.19	Sơ đồ tuần tự	36
Hình 2.20	Sơ đồ tuần tự	37
Hình 2.21	Sơ đồ tuần tự	37
Hình 2.22	Sơ đồ tuần tự	38
Hình 2.23	Sơ đồ tuần tự	38
Hình 2.24	Sơ đồ tuần tự	39
Hình 2.25	Sơ đồ tuần tự	39
Hình 2.26	Sơ đồ tuần tự	40
Hình 2.27	Sơ đồ tuần tự	40
Hình 2.28	Sơ đồ tuần tự	41

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1	Bảng thực thể và thuộc tính	21
Bảng 2.2	Bảng user	22
Bảng 2.3	Bảng ecg_record	23
Bảng 2.4	Bảng news_category	23
Bảng 2.5	Bảng news	23
Bảng 2.6	Bảng patient_doctor_assignment	24
Bảng 2.7	Bảng reset_token	24
Bảng 2.8	Bảng session	24
Bảng 2.9	Bảng device	24

TÓM TẮT ĐỒ ÁN

Phần này tóm tắt những mục đích và các kết luận quan trọng của đồ án bằng cả tiếng việt và cả tiếng Anh

PHẦN MỞ ĐẦU

Đặt vấn đề

Lĩnh vực y tế đang có những bước chuyển mình lớn trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay còn được gọi là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0). Đại dịch COVID-19 đã chứng minh được tầm quan trọng của việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào những sản phẩm y tế giúp đẩy lùi dịch bệnh, có thể kể đến như máy rửa tay tự động do TS.Hàn Huy Dũng (đang công tác tại Trường Điện - Điện tử, thuộc Đại học Bách khoa Hà Nội) (thêm reference) cùng các cộng sự sáng chế, và một số ứng dụng di động nổi bật được hầu hết người dân Việt Nam sử dụng trong đại dịch COVID-19 như Bluezone - ứng dụng cảnh báo tiếp xúc gần với những người nhiễm COVID qua Bluetooth low energy, ứng dụng NCOVI, theo dõi các ca nhiễm và thực hiện khai báo y tế, ứng dụng PC-Covid để cập nhật các thông tin tiêm vắc xin, thông tin xét nghiệm. Đây là một tín hiệu cho thấy nước ta đang áp dụng công nghệ 4.0 vào trong ngành y tế một cách chủ động. Hiện nay, việc chăm sóc sức khỏe đang được chú trọng, đặc biệt là đối với những mẹ bầu, những người cần theo dõi sức khỏe định kỳ liên tục, việc di chuyển đến bệnh viện đông đúc để thăm khám rất khó khăn, cộng với chi phí không hề rẻ, và tỉ lệ sẩy thai, thai lưu khi phát hiện không kịp thời là khá cao. câu hỏi đặt ra là có cách nào có thể giúp các mẹ bầu không cần di chuyển

Đề xuất hệ thống

(Nếu có) [1]

Cấu trúc đồ án

(nếu có)

CHƯƠNG 1. THIẾT KẾ KIẾN TRÚC HỆ THỐNG

Trong chương này, chúng em sẽ tiến hành phân tích hệ thống cho dự án đề tài "Hệ thống quản lý ECG". Đây là một hệ thống được thiết kế để quản lý và xử lý dữ liệu điện tâm đồ (ECG) của người dùng. Hệ thống cung cấp khả năng ghi lại và hiển thị dữ liệu điện tim, cho phép người dùng theo dõi và đánh giá sự hoạt động của tim. Người dùng cũng có thể thực hiện trao đổi dựa trên các kết quả điện tim đo được. Những thông tin này có thể hữu ích trong việc theo dõi sức khỏe tim mạch, theo dõi hiệu quả của liệu pháp và hỗ trợ quyết định của người dùng.

1.1 Yêu cầu hệ thống

1.1.1 Yêu cầu về người dùng hệ thống

Hệ thống được thiết kế để phục vụ các đối tượng sau:

- **Bệnh nhân:** Người sử dụng hệ thống để thực hiện kiểm tra ECG thông qua Bluetooth và theo dõi sức khỏe của mình. Bệnh nhân có quyền truy cập vào kết quả ECG của mình, được một bác sĩ theo dõi và có thể theo dõi các thông tin liên quan đến điện tim và sức khỏe.
- **Bác sĩ:** Người sử dụng hệ thống để xem và đánh giá kết quả ECG của bệnh nhân, đưa ra nhận xét và đề xuất điều trị. Bác sĩ có thể trao đổi với bệnh nhân và gửi thông báo quan trọng liên quan đến chăm sóc sức khỏe.
- **Quản trị viên:** Người sử dụng hệ thống để quản lý các tài khoản người dùng, phân công bệnh nhân cho bác sĩ và quản lý mối quan hệ giữa bác sĩ và bệnh nhân.

1.1.2 Yêu cầu chức năng

Các chức năng chính của hệ thống bao gồm:

- **Ghi lại dữ liệu điện tim:** Hệ thống cho phép ghi lại tín hiệu điện tim từ máy đo ECG (Electrocardiogram) hay thiết bị đo điện tim khác. Dữ liệu được chuyển tới ứng dụng của người dùng thông qua Bluetooth để lưu trữ, phân tích và có thể xem lại sau này.
- **Hiển thị và phân tích dữ liệu:** Hệ thống hiển thị dữ liệu điện tim theo dạng đồ thị. Hệ thống cũng hỗ trợ xuất ra các tệp đã được chuẩn hoá cho các dữ liệu chuỗi thời gian (time-series database) để phục vụ mục đích phân tích và nghiên cứu sâu hơn.

- Lưu trữ: Hệ thống hỗ trợ lưu dữ liệu mà người dùng đo được từ thiết bị trên cả ứng dụng và trên server của hệ thống. Dữ liệu điện tim cũng được đồng bộ hóa và lưu trữ trên máy chủ của hệ thống. Qua quá trình đồng bộ hóa, dữ liệu từ ứng dụng được truyền đến máy chủ và được lưu trữ an toàn và bảo mật trên hệ thống. Việc lưu trữ dữ liệu điện tim trên cả ứng dụng và máy chủ giúp đảm bảo rằng dữ liệu quan trọng này được lưu trữ một cách đáng tin cậy và có sẵn cho phân tích hoặc sử dụng tương lai.
- Trao đổi và chia sẻ thông tin về dữ liệu điện tim: Hệ thống giúp người dùng có thể trao đổi trực tiếp với nhau, chia sẻ kết quả đo điện tim, hỏi đáp về các vấn đề sức khỏe hoặc thảo luận về các quyết định. Điều này mang lại sự tiện lợi và hỗ trợ đáng kể cho người dùng trong việc xác định về tình trạng sức khỏe hiện tại của bản thân.

Hệ thống hỗ trợ các chức năng cơ bản sau đối với người dùng:

Đối với người dùng là bệnh nhân:

- Đăng nhập và đăng ký tài khoản bằng thông tin cá nhân, bao gồm tên, địa chỉ email, ngày sinh, số điện thoại và mật khẩu.
- Cập nhật các thông tin cá nhân.
- Xem kết quả ECG của mình, bao gồm biểu đồ và các thông số liên quan.
- Theo dõi các tin tức liên quan đến sức khỏe và tim mạch.
- Nhận thông báo và có thể trao đổi trực tiếp với bác sĩ về tình hình sức khỏe và các kết quả đo được từ thiết bị.

Đối với người dùng là bác sĩ:

- Được cấp tài khoản để sử dụng hệ thống.
- Cập nhật các thông tin cá nhân.
- Xem danh sách bệnh nhân được phân công cho mình và xem kết quả ECG của từng bệnh nhân.
- Đánh giá và đưa ra nhận xét về kết quả ECG của bệnh nhân.
- Trao đổi các thông tin liên quan đến tình hình sức khỏe và kết quả đo của bệnh nhân.

Đối với người dùng là quản trị viên:

- Đăng nhập và đăng ký tài khoản bằng thông tin cá nhân, bao gồm tên, địa chỉ email, số điện thoại và mật khẩu.
- Cập nhật thông tin cá nhân.
- Quản lý danh sách người dùng trong hệ thống, bao gồm bệnh nhân và bác sĩ.
- Phân công bệnh nhân cho các bác sĩ và quản lý mối quan hệ giữa bác sĩ và bệnh nhân.
- Quản lý các tin tức được đăng trên ứng dụng của người dùng.

1.1.3 Yêu cầu phi chức năng

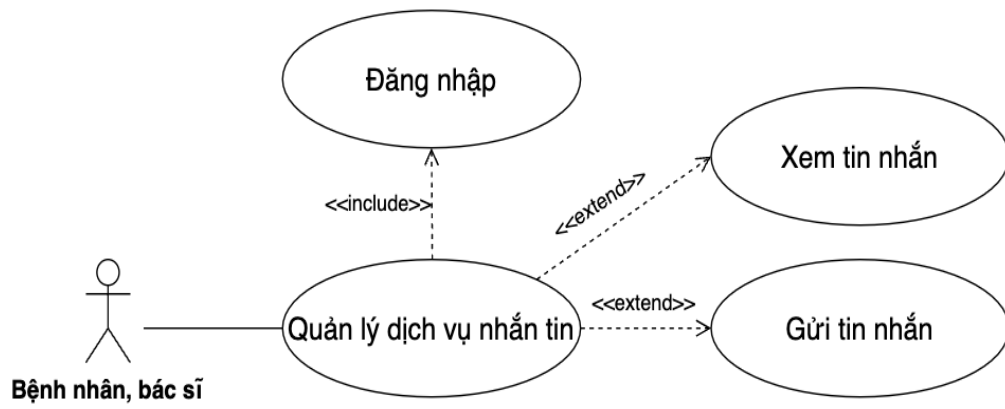
- Hệ thống hỗ trợ ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.
- Hệ thống cần đảm bảo tính bảo mật và quyền riêng tư thông tin của người dùng.
- Hệ thống phải có giao diện người dùng thân thiện, dễ sử dụng và có thể tương tác trên các thiết bị di động.
- Thời gian phản hồi của hệ thống phải nhanh chóng và ổn định.
- Hệ thống cần sao lưu dữ liệu định kỳ để đảm bảo tính an toàn và khả năng khôi phục dữ liệu khi cần thiết.

Thông qua việc phân tích yêu cầu hệ thống, chúng ta có cái nhìn tổng quan về các chức năng, yêu cầu phi chức năng và các đối tượng người dùng mà hệ thống phải hỗ trợ. Phần phân tích này sẽ cung cấp cơ sở cho việc thiết kế và phát triển hệ thống quản lý ECG, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của người dùng và đảm bảo hiệu suất, bảo mật và tính khả dụng của hệ thống.

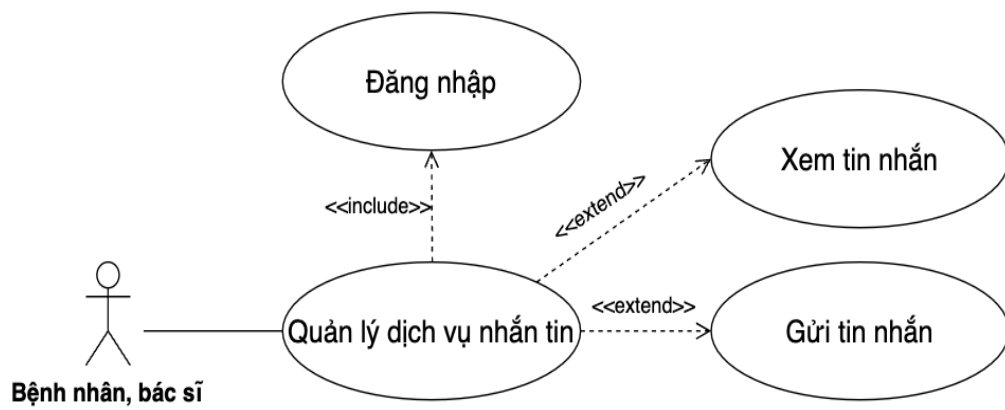
1.2 Phân tích tổng quan hệ thống

1.2.1 Sơ đồ use case

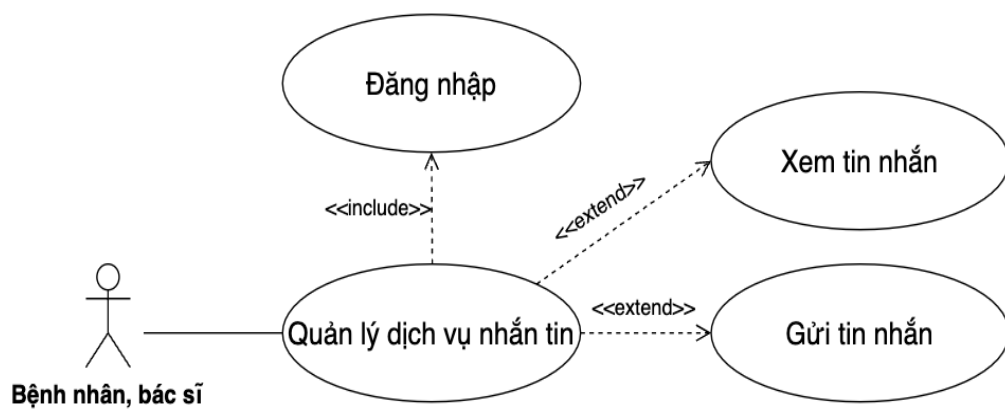
1.2.1.1 Use case xem/nhận tin nhắn



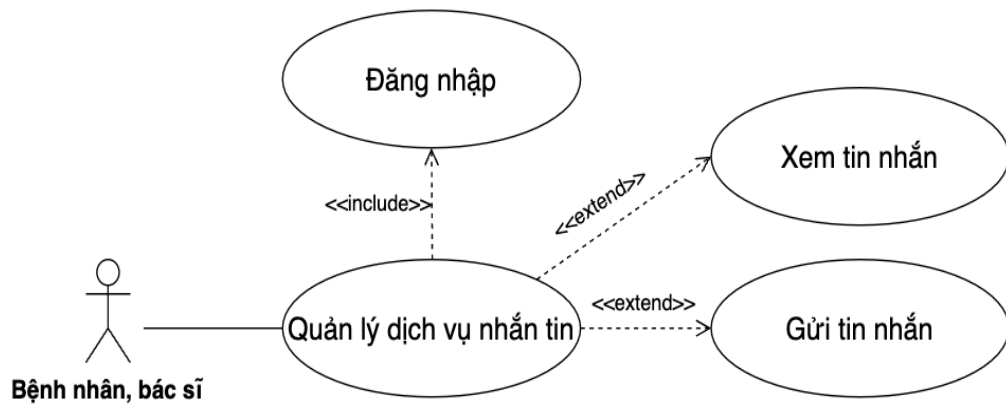
Hình 1.1 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App



Hình 1.2 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App

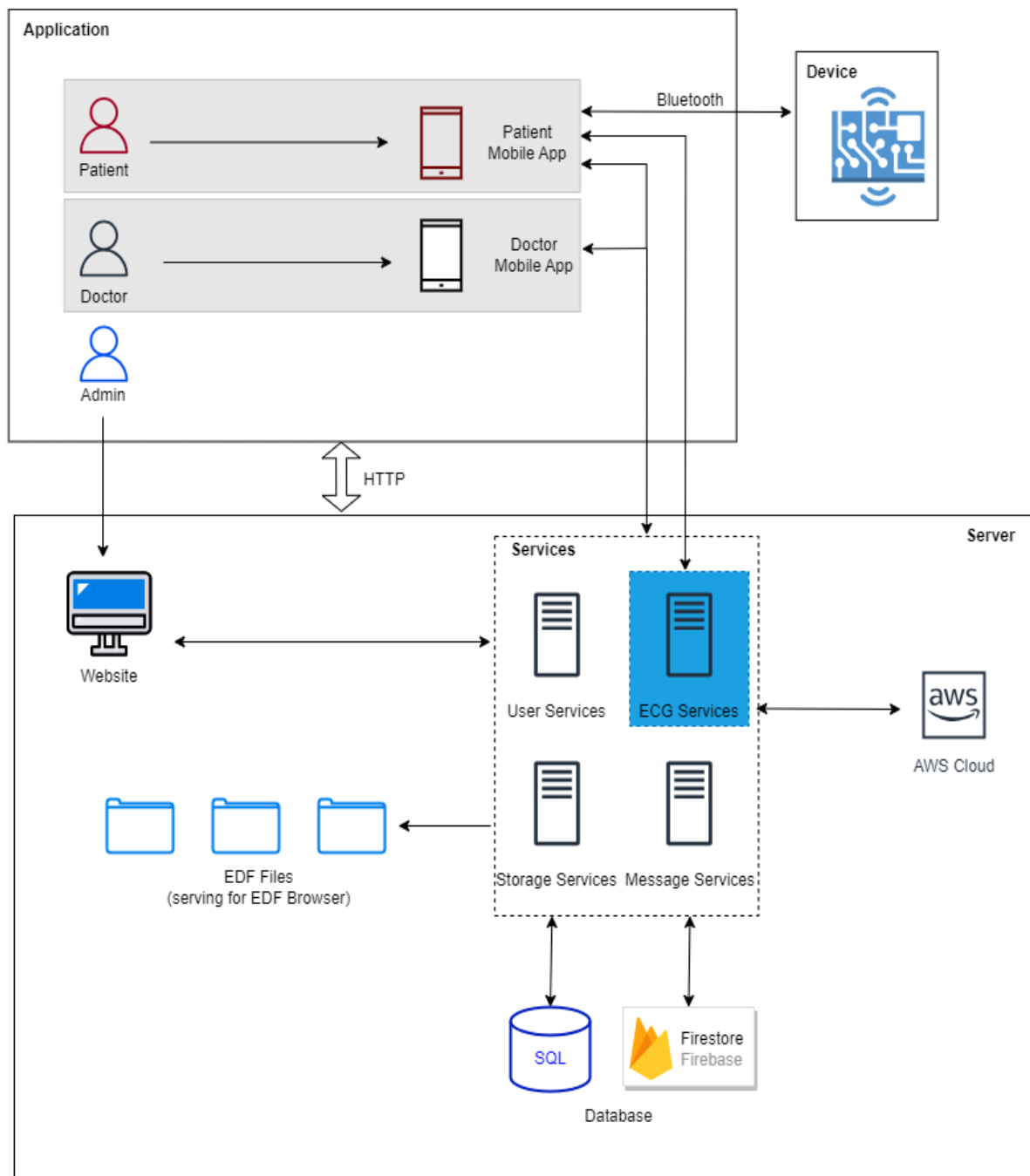


Hình 1.3 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App



Hình 1.4 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App

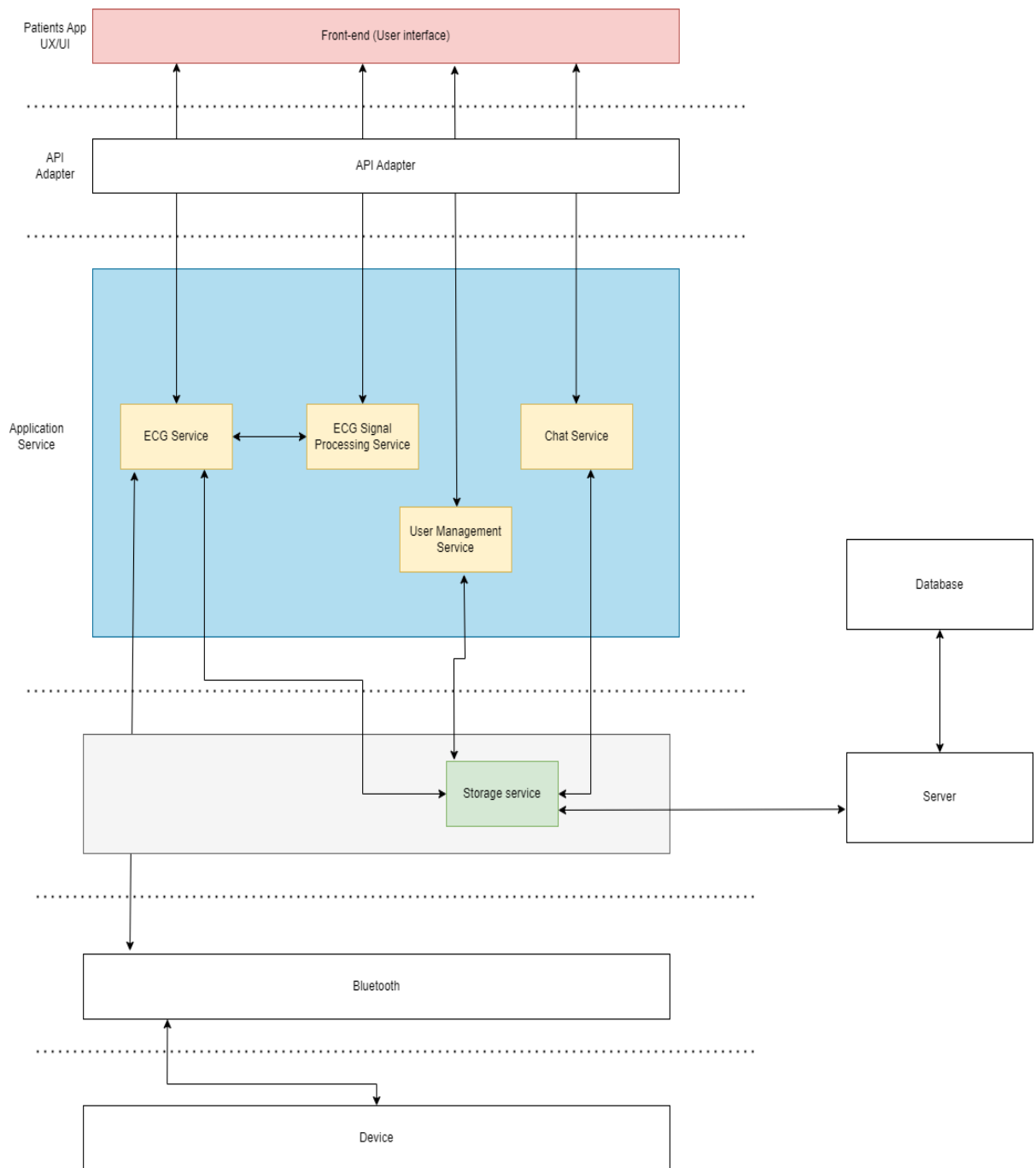
1.2.2 Sơ đồ kiến trúc hệ thống



Hình 1.5 Kiến trúc hệ thống

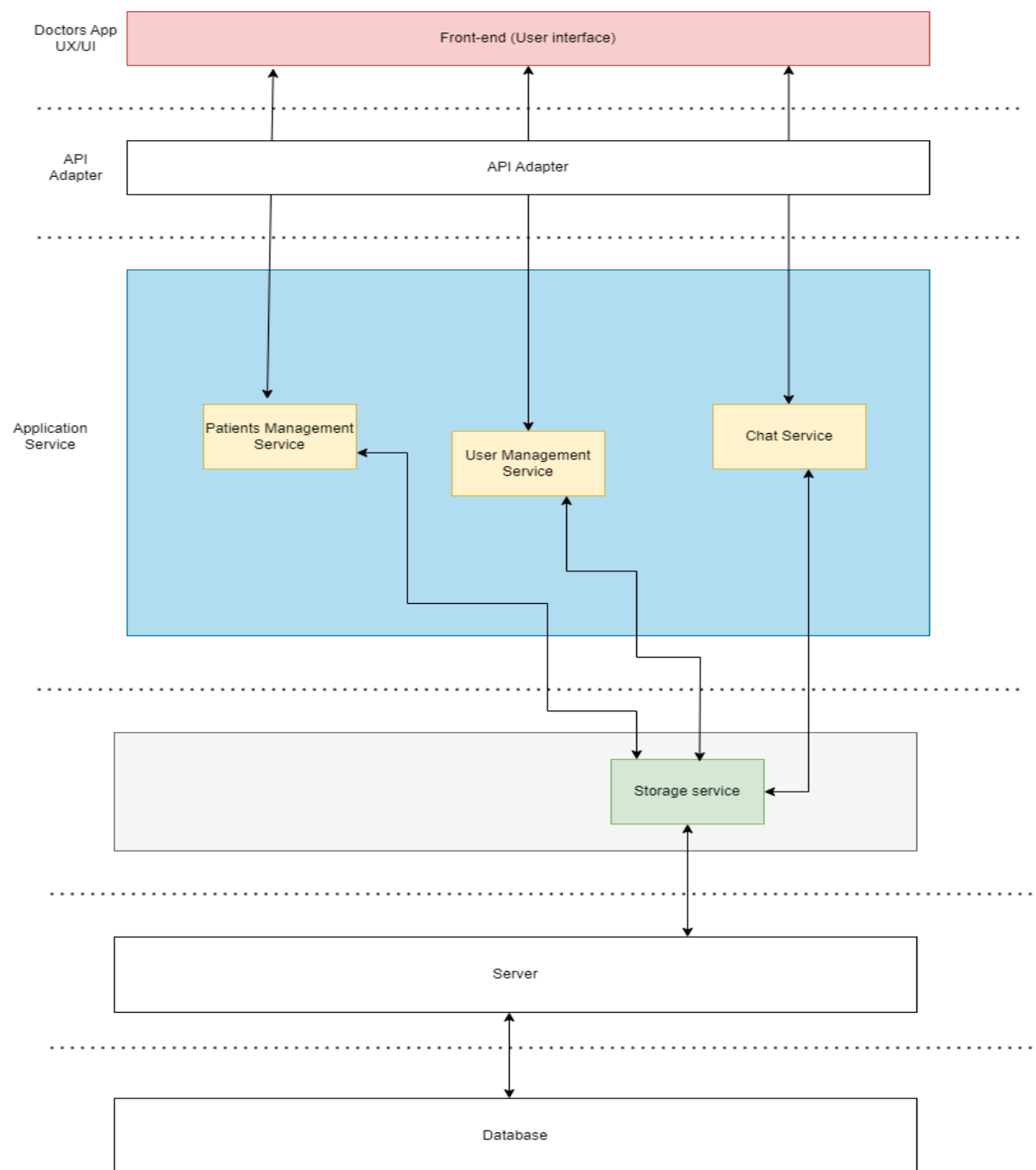
1.2.3 Sơ đồ khối phần mềm

1.2.3.1 Ứng dụng cho bệnh nhân



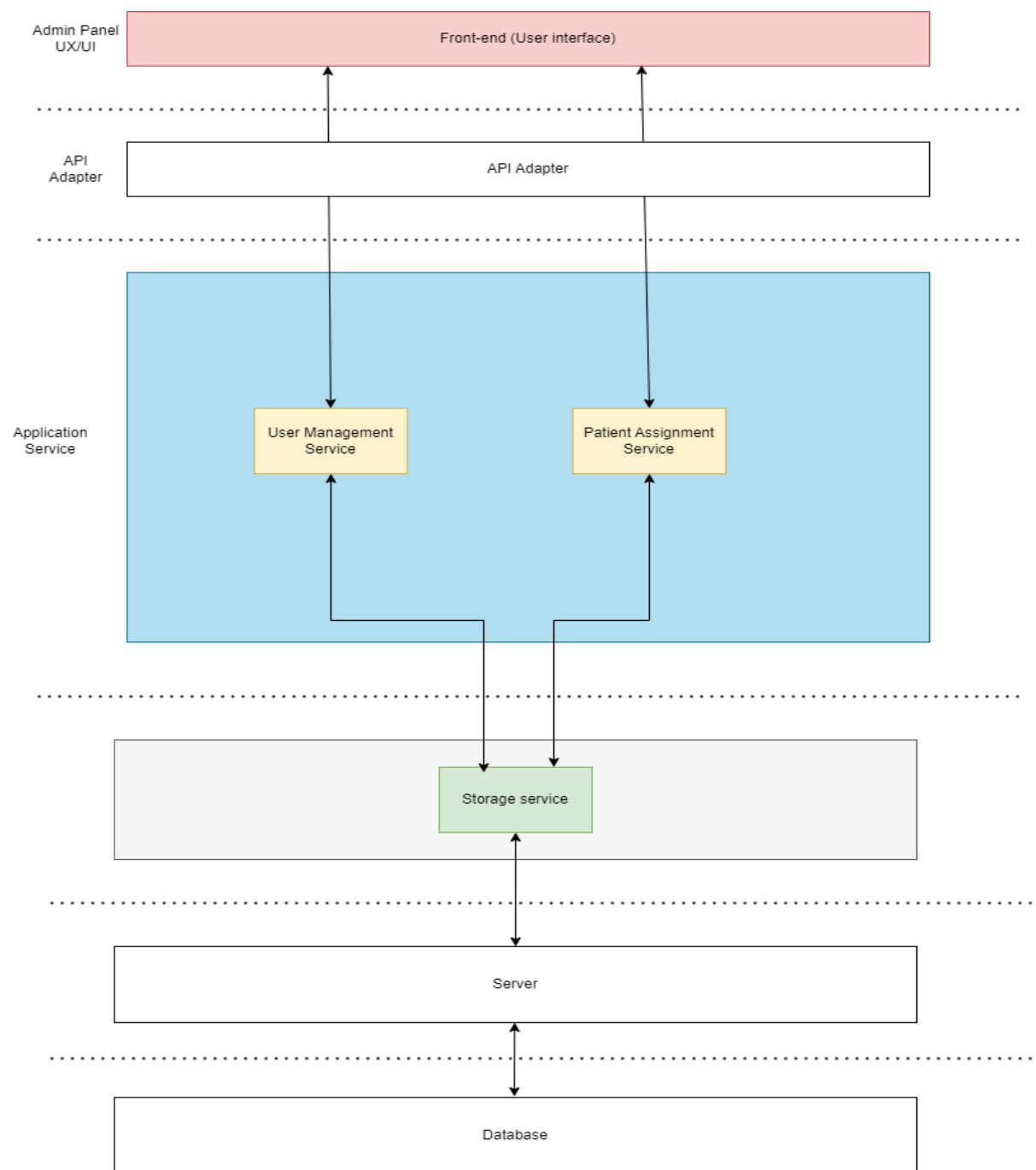
Hình 1.6 Kiến trúc hệ thống

1.2.3.2 Ứng dụng cho bác sỹ



Hình 1.7 Kiến trúc hệ thống

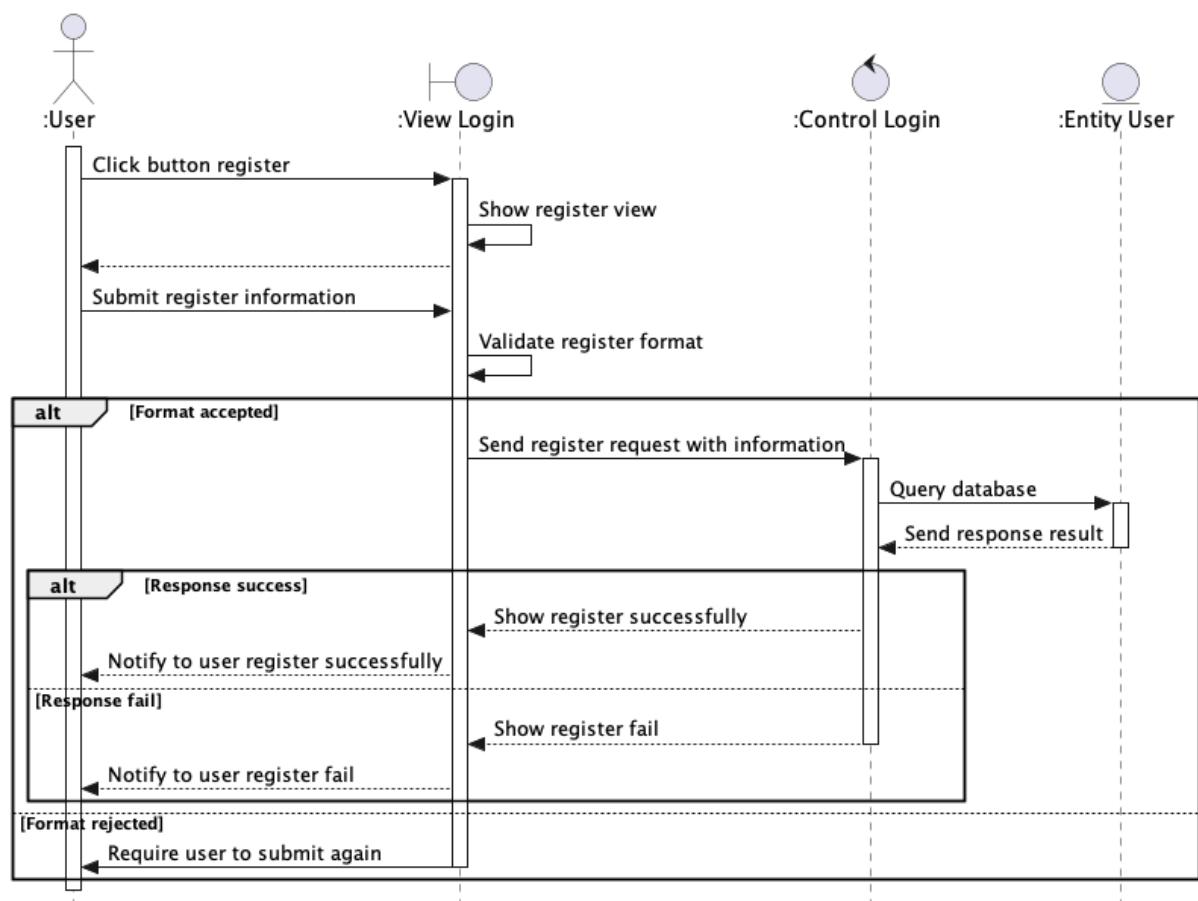
1.2.3.3 Website cho admin



Hình 1.8 Kiến trúc hệ thống

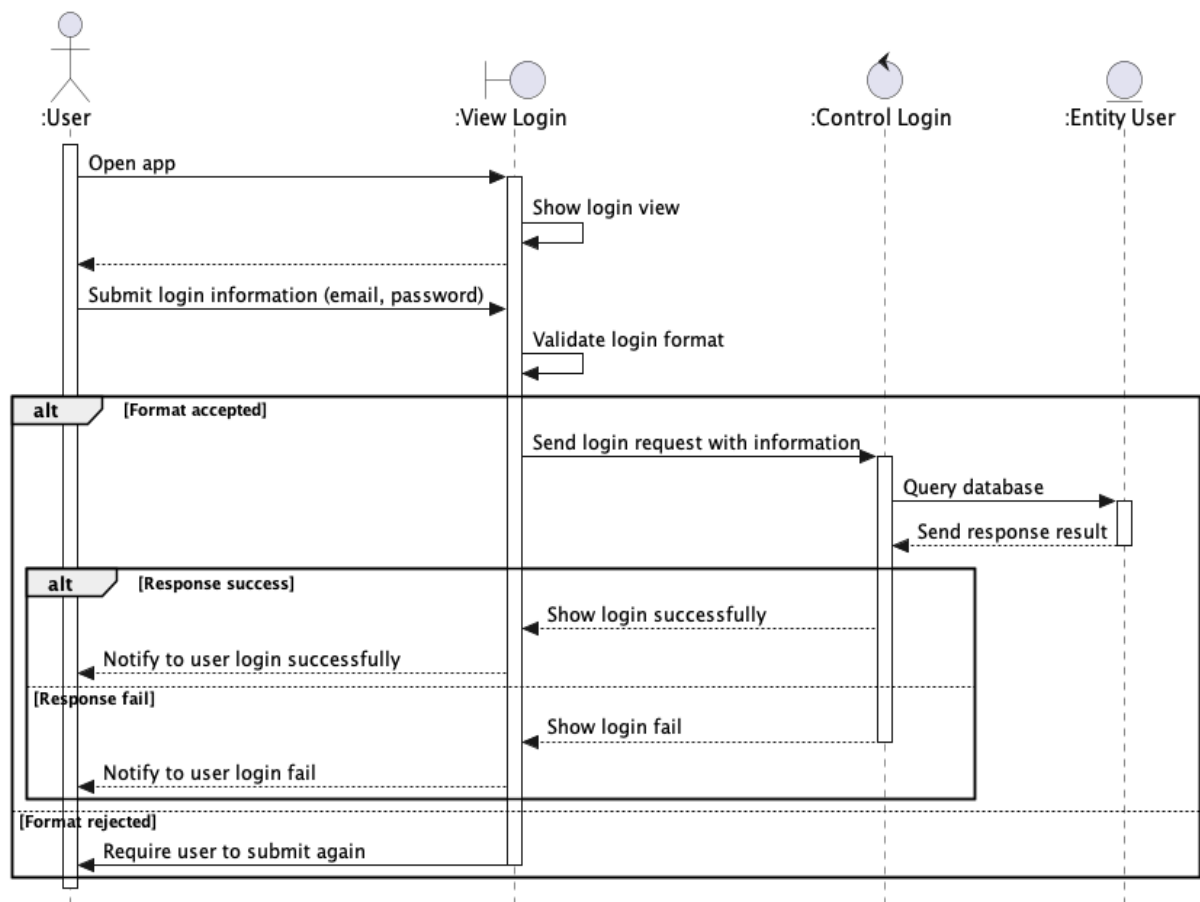
1.2.4 Sơ đồ tuần tự

1.2.4.1 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký



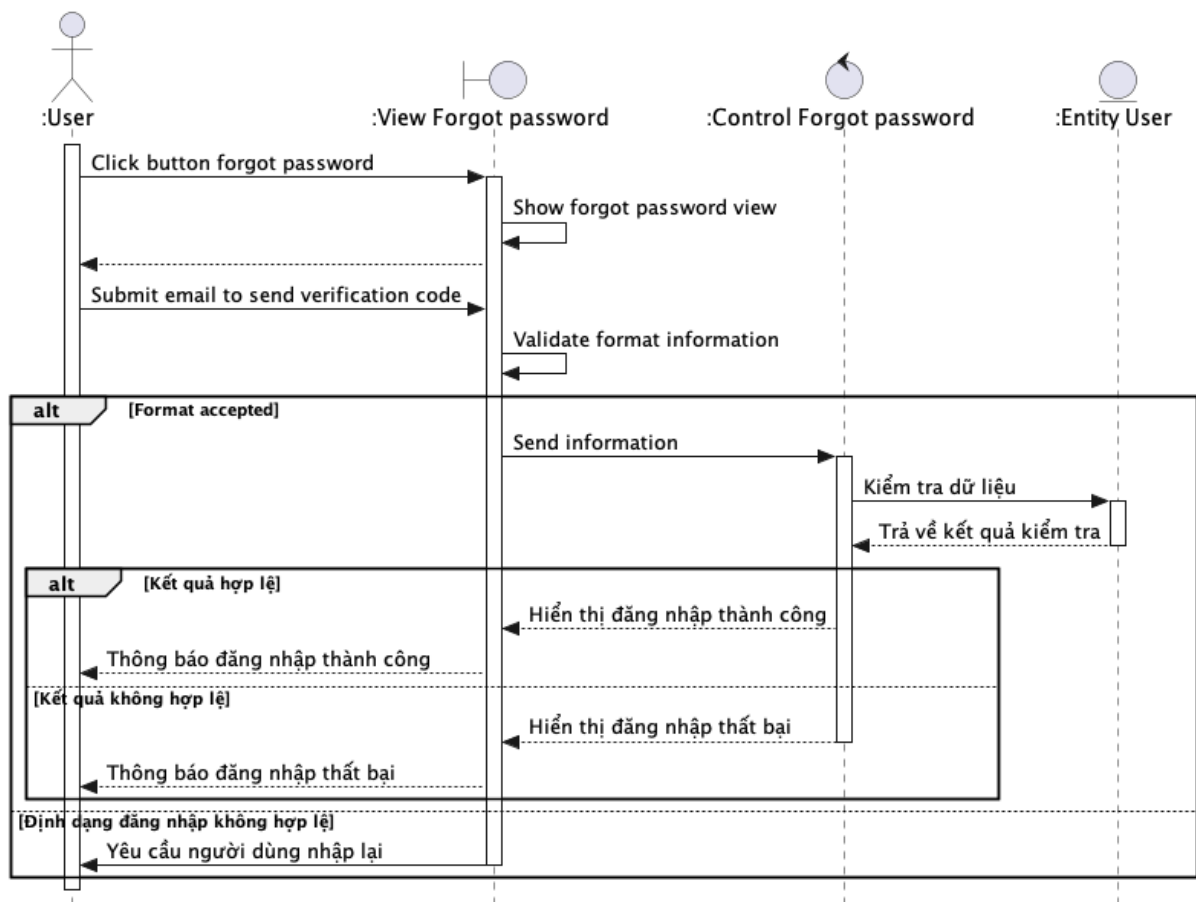
Hình 1.9 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký trên App

1.2.4.2 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập



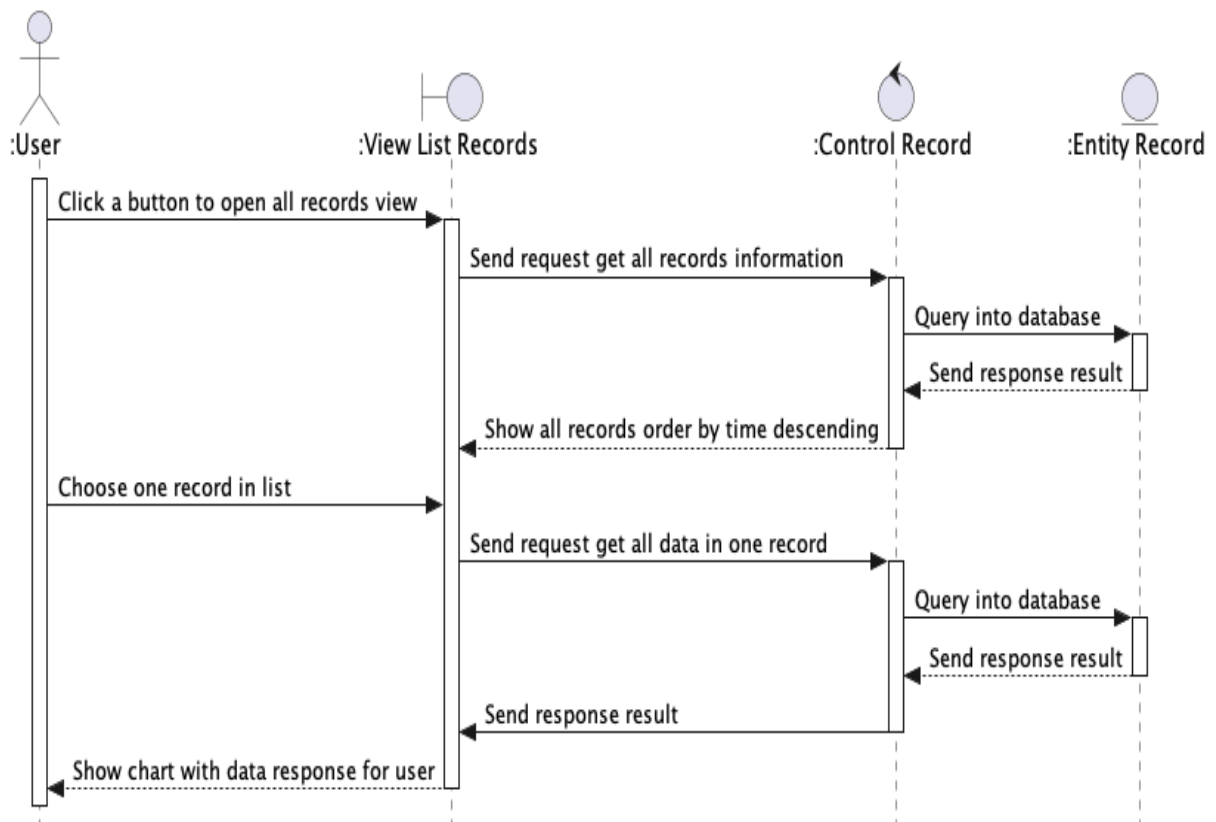
Hình 1.10 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập trên App

1.2.4.3 Sơ đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu



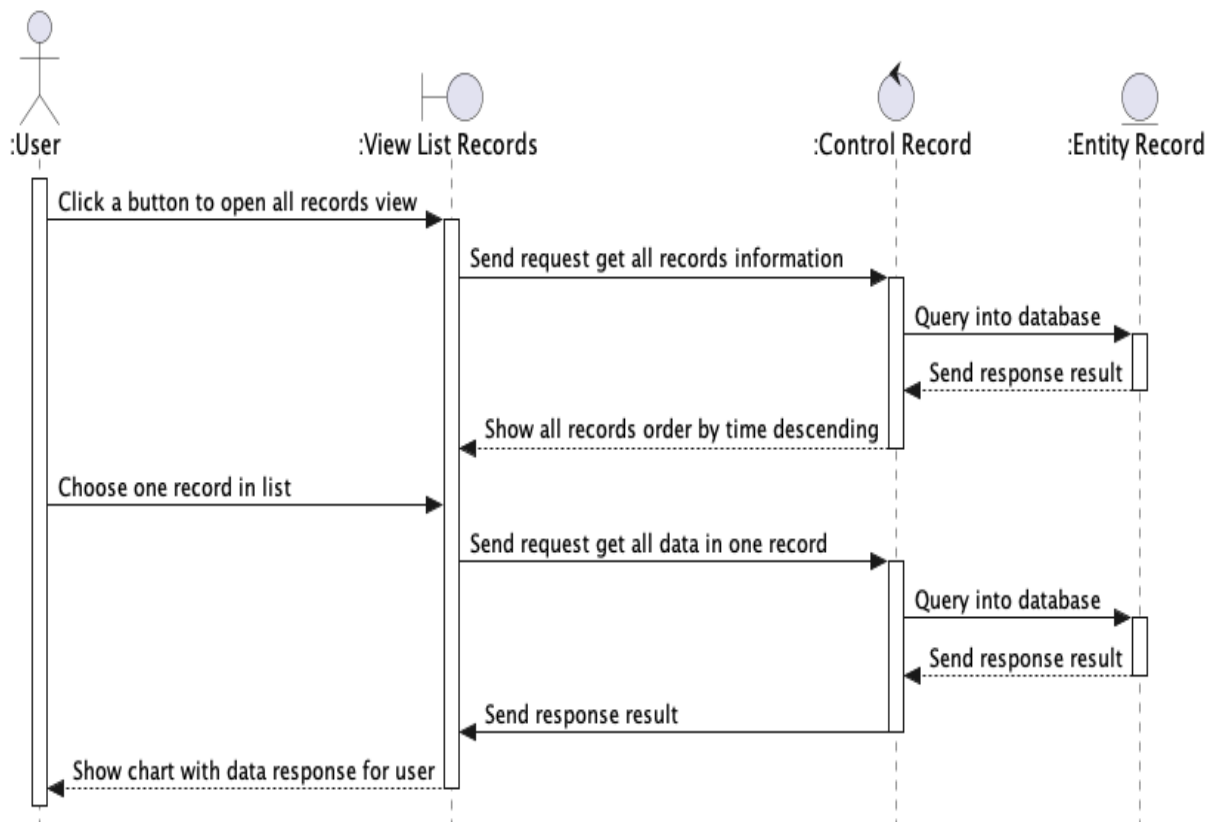
Hình 1.11 Sơ đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu trên App

1.2.4.4 Sơ đồ tuần tự chức năng xem lịch sử các lần đo



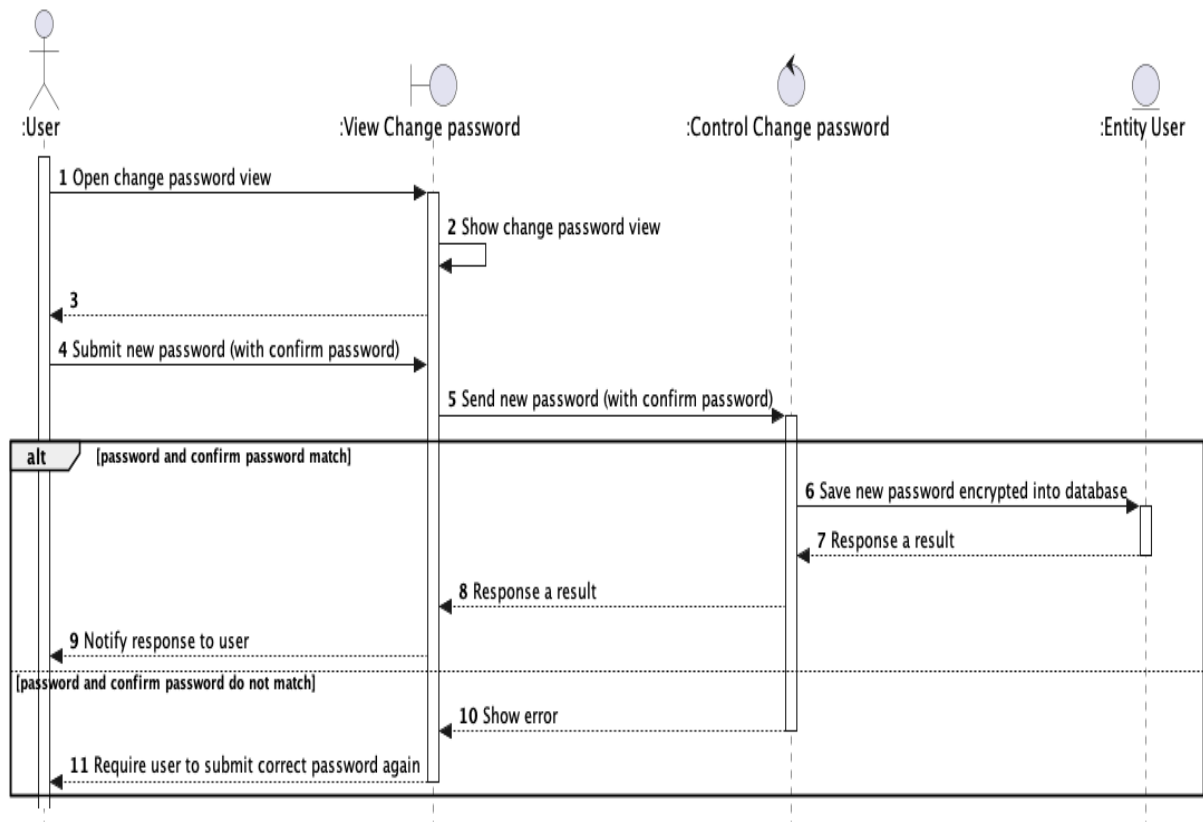
Hình 1.12 Sơ đồ tuần tự chức năng xem lịch sử các lần đo trên App

1.2.4.5 Sơ đồ tuần tự chức năng xem thay đổi thông tin cá nhân



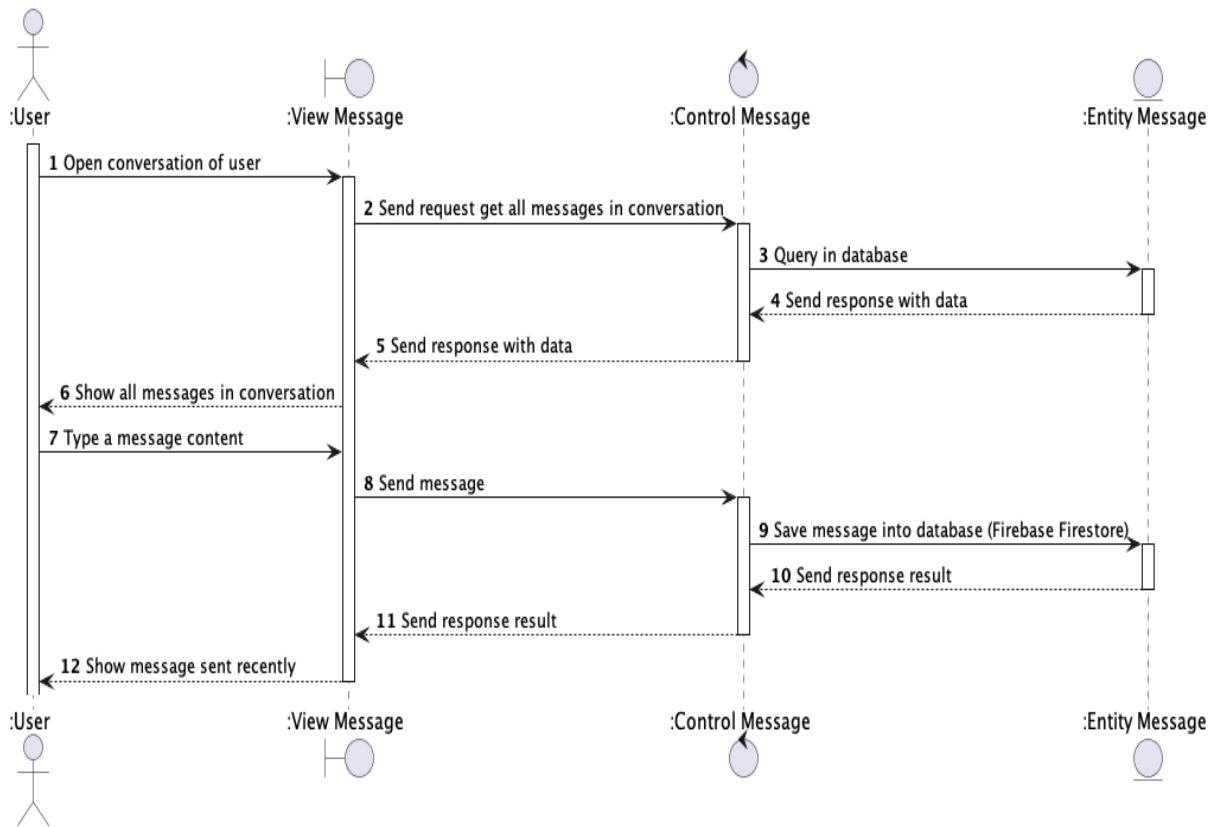
Hình 1.13 Sơ đồ tuần tự chức năng xem thay đổi thông tin cá nhân trên App

1.2.4.6 Sơ đồ tuần tự chức năng đổi mật khẩu



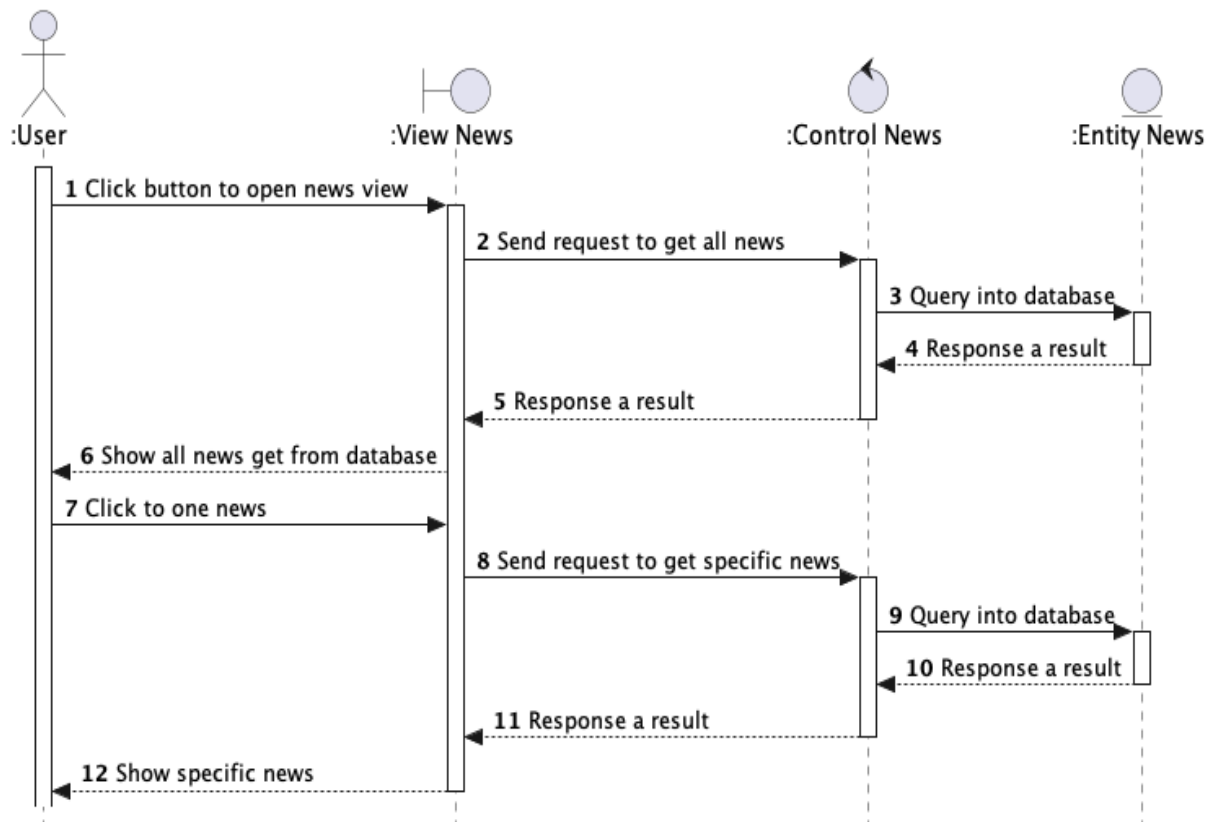
Hình 1.14 Sơ đồ tuần tự chức năng đổi mật khẩu trên App

1.2.4.7 Sơ đồ tuần tự chức năng xem/gửi tin nhắn



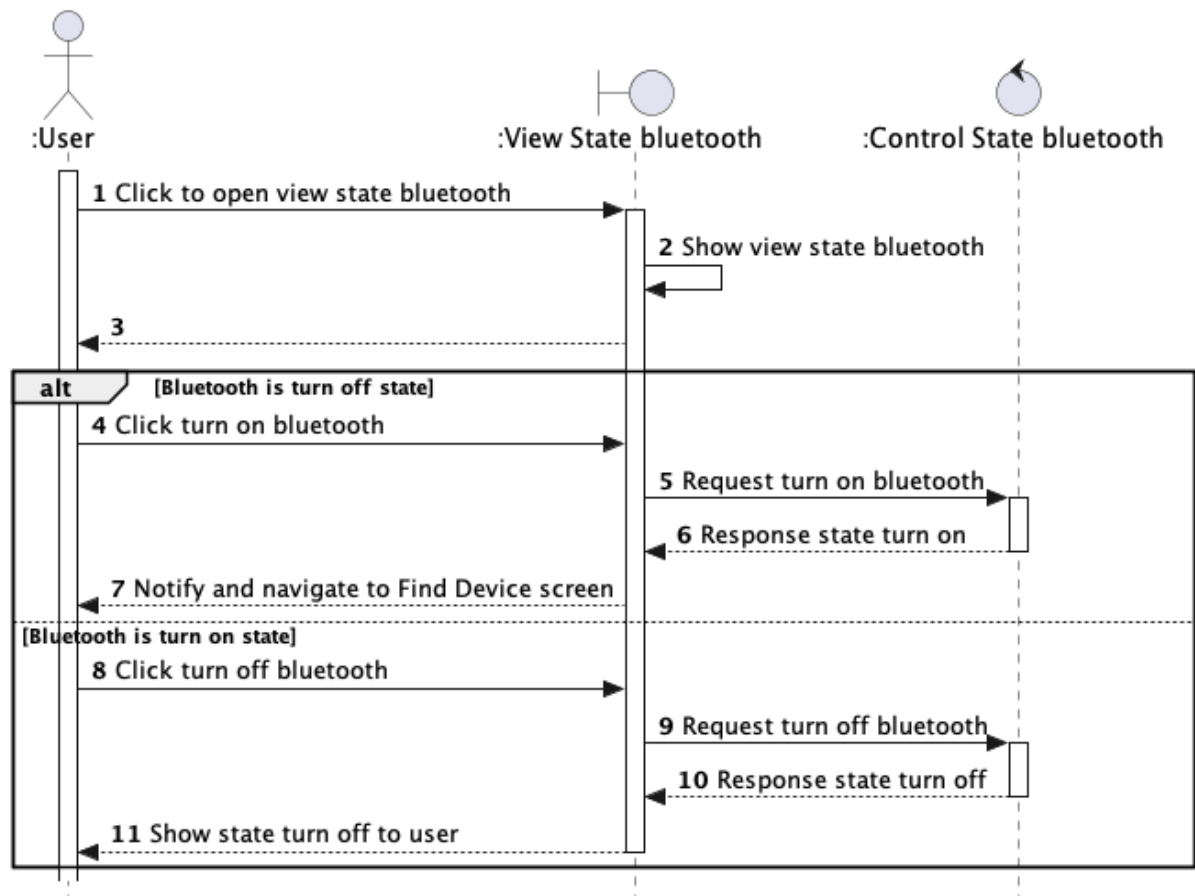
Hình 1.15 Sơ đồ tuần tự chức năng xem/gửi tin nhắn trên App

1.2.4.8 Sơ đồ tuần tự chức năng xem bài đăng tin tức



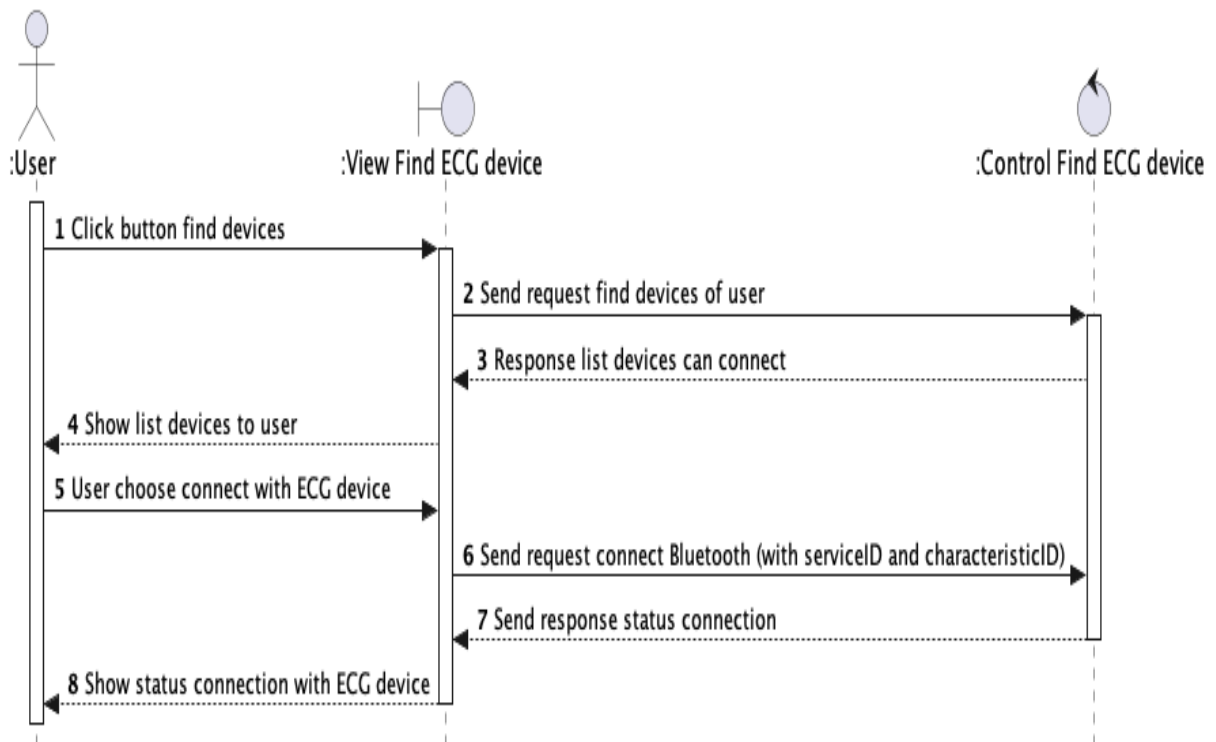
Hình 1.16 Sơ đồ tuần tự chức năng xem bài đăng tin tức trên App

1.2.4.9 Sơ đồ tuần tự chức năng bật/tắt Bluetooth



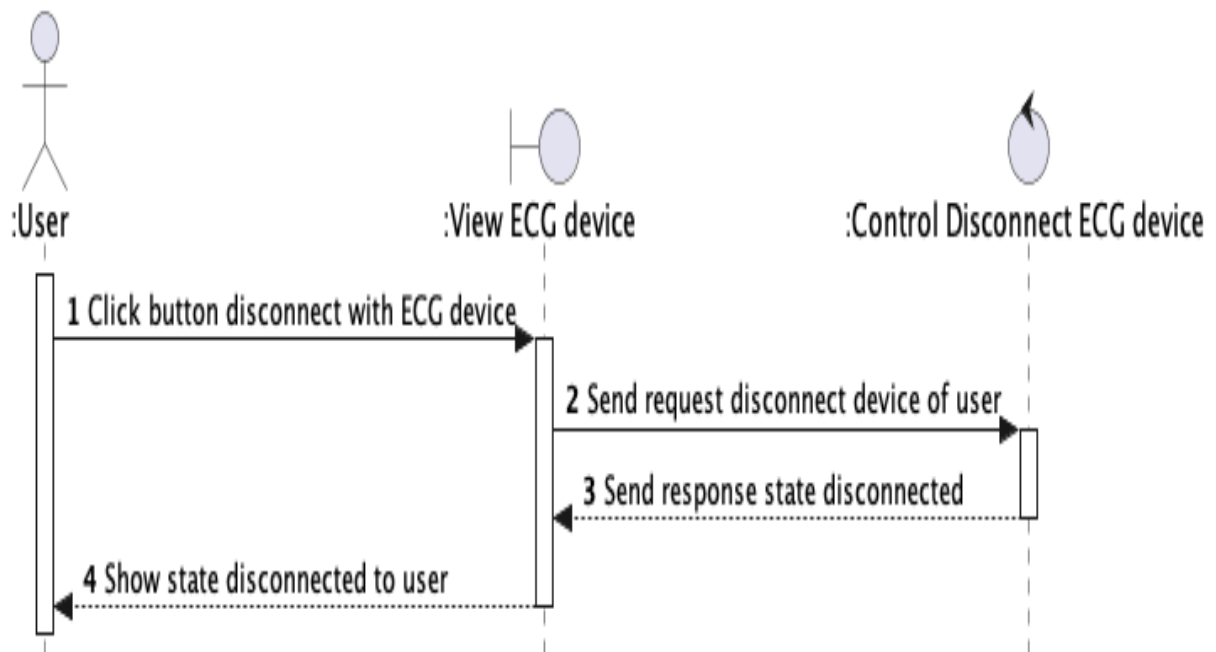
Hình 1.17 Sơ đồ tuần tự chức năng bật/tắt Bluetooth trên App

1.2.4.10 Sơ đồ tuần tự chức năng kết nối Bluetooth với thiết bị đo điện tim



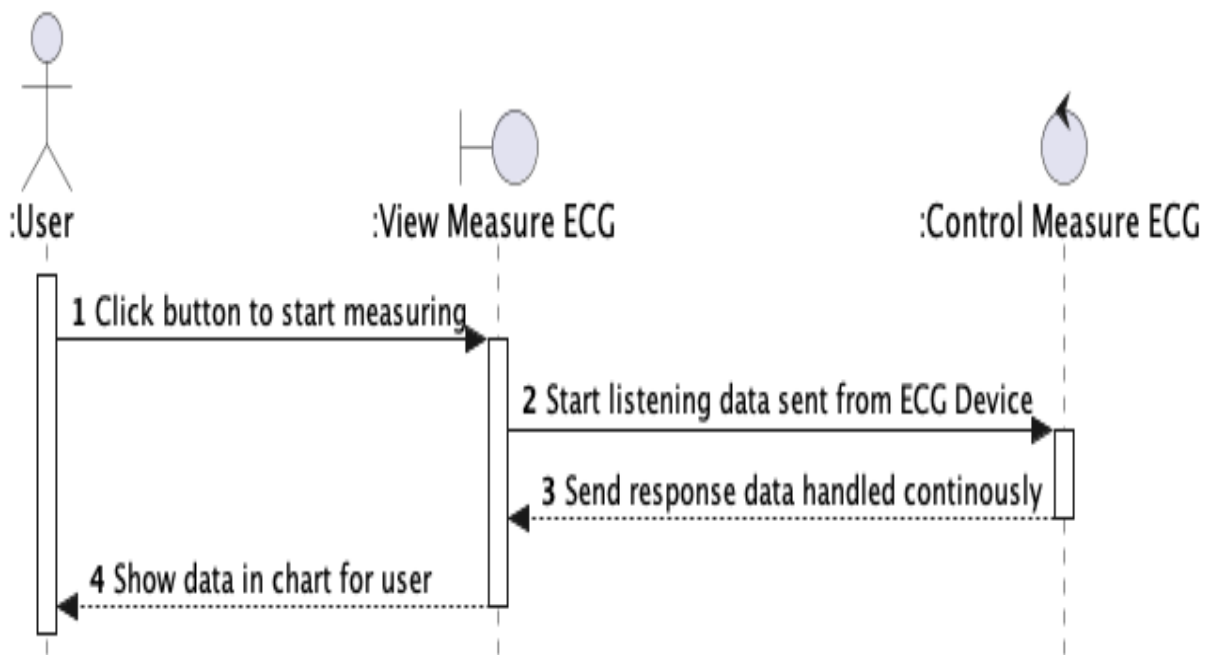
Hình 1.18 Sơ đồ tuần tự chức năng kết nối Bluetooth với thiết bị đo điện tim trên App

1.2.4.11 Sơ đồ tuần tự chức năng ngắt kết nối Bluetooth với thiết bị đo điện tim



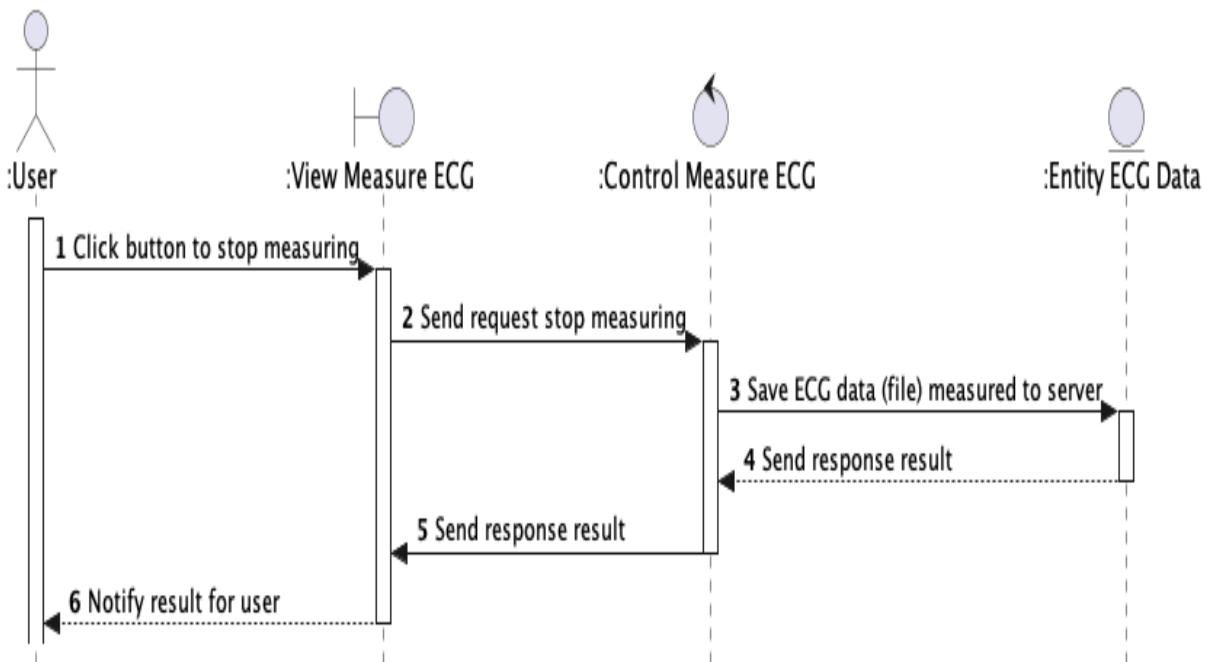
Hình 1.19 Sơ đồ tuần tự chức năng ngắt kết nối Bluetooth với thiết bị đo điện tim trên App

1.2.4.12 Sơ đồ tuần tự chức năng tiến hành đo điện tim



Hình 1.20 Sơ đồ tuần tự chức năng tiến hành đo điện tim trên App

1.2.4.13 Sơ đồ tuần tự chức năng kết thúc quá trình đo điện tim



Hình 1.21 Sơ đồ tuần tự chức năng kết thúc quá trình đo điện tim trên App

CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ CHI TIẾT HỆ THỐNG

2.1 Công nghệ sử dụng

2.2 Thiết kế cơ sở dữ liệu

2.2.1 Xây dựng mô hình thực thể liên kết

Xác định các thực thể và thuộc tính:

Bảng 2.1 Bảng thực thể và thuộc tính

Thực thể	Thuộc tính
Người dùng	ID người dùng, Mật khẩu, Email, Tên, Ngày sinh, Số điện thoại, Quyền
ECG Record	ID bản ghi ECG, ID người dùng, ID thiết bị, Đường dẫn lưu trữ dữ liệu, Thời gian bắt đầu, Thời gian kết thúc, Loại cảm biến
Danh mục tin tức	ID danh mục tin tức, Tên danh mục tin tức, Mô tả danh mục tin tức
Tin tức	ID tin tức, Tiêu đề, Nội dung, ID danh mục tin tức, Tác giả, Đường dẫn, Đường dẫn hình ảnh
Phân công bệnh nhân - bác sĩ	ID phân công, ID bệnh nhân, ID bác sĩ, Ngày bắt đầu
Mã thông báo đặt lại	ID mã thông báo, ID người dùng, Mã thông báo, Thời gian hết hạn
Phiên đăng nhập	ID phiên đăng nhập, ID người dùng, Mã phiên đăng nhập, Thời gian hết hạn
Thiết bị	ID thiết bị, Tên thiết bị

2.2.2 Chuyển mô hình thực thể liên kết sang mô hình quan hệ

Các bảng trong mô hình thực thể liên kết đã được chuyển thành các bảng trong mô hình quan hệ, với mỗi bảng đại diện cho một thực thể và các mối quan hệ được biểu diễn bằng các khóa ngoại.

2.2.3 Môi quan hệ dữ liệu

- Bảng `ecg_record` có mối quan hệ 1-n với bảng `user` thông qua khóa ngoại `user_id`.
- Bảng `news` có mối quan hệ n-1 với bảng `news_category` thông qua khóa ngoại `category_id`.
- Bảng `patient_doctor_assignment` có mối quan hệ n-1 với bảng `user` thông qua khóa ngoại `patient_id` và `doctor_id`.
- Bảng `reset_token` có mối quan hệ n-1 với bảng `user` thông qua khóa ngoại `user_id`.

2.2.4 Chuẩn hoá 3NF

Các bảng đã được thiết kế theo nguyên tắc chuẩn hoá 3NF, vì không có thuộc tính lặp lại và các thuộc tính không phụ thuộc vào một tập hợp con của khóa chính.

2.2.5 Từ điển dữ liệu

Bảng 2.2 Bảng `user`

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
<code>user_id</code>	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID người dùng.
<code>password</code>	STRING	Mật khẩu của người dùng.
<code>email</code>	STRING	Địa chỉ email của người dùng.
<code>name</code>	STRING	Tên của người dùng.
<code>doB</code>	DATE	Ngày sinh của người dùng.
<code>phone_number</code>	STRING	Số điện thoại của người dùng.
<code>role</code>	INTEGER	Quyền của người dùng (0-patient, 1-doctor, 2-admin).

Bảng 2.3 Bảng ecg_record

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
record_id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID bản ghi ECG.
user_id	INTEGER	Khóa ngoại tham chiếu đến user_id trong bảng user.
device_id	STRING	ID thiết bị.
data_directory	STRING	Đường dẫn lưu trữ dữ liệu.
start_time	DATE	Thời gian bắt đầu ghi lại ECG.
stop_time	DATE	Thời gian kết thúc ghi lại ECG.
sensor_type	STRING	Loại cảm biến.

Bảng 2.4 Bảng news_category

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
category_id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID danh mục tin tức.
category_name	STRING	Tên danh mục tin tức.
category_description	STRING	Mô tả danh mục tin tức.

Bảng 2.5 Bảng news

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
news_id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID tin tức.
title	STRING	Tiêu đề tin tức.
content	TEXT	Nội dung tin tức.
category_id	INTEGER	Khóa ngoại tham chiếu đến category_id trong bảng news_category.
author	STRING	Tác giả tin tức.
url	STRING	Đường dẫn tin tức.
image	STRING	Đường dẫn hình ảnh tin tức (có thể là null).

Bảng 2.6 Bảng patient_doctor_assignment

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
assign_id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID phân công bệnh nhân - bác sĩ.
patient_id	INTEGER	Khóa ngoại tham chiếu đến user_id trong bảng user (với quyền là bệnh nhân).
doctor_id	INTEGER	Khóa ngoại tham chiếu đến user_id trong bảng user (với quyền là bác sĩ).
start_date	DATE	Ngày bắt đầu phân công.

Bảng 2.7 Bảng reset_token

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID mã thông báo đặt lại.
user_id	INTEGER	Khóa ngoại tham chiếu đến user_id trong bảng user.
token	STRING	Mã thông báo đặt lại.
expiration	DATE	Thời gian hết hạn của mã thông báo đặt lại.

Bảng 2.8 Bảng session

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
session_id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID phiên đăng nhập.
user_id	INTEGER	Khóa ngoại tham chiếu đến user_id trong bảng user.
token	STRING	Mã phiên đăng nhập.
expiration	DATE	Thời gian hết hạn của phiên đăng nhập.

Bảng 2.9 Bảng device

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
device_id	INTEGER	Khóa chính của bảng, đại diện cho ID thiết bị.
device_name	STRING	Tên thiết bị.

2.3 Phân tích chi tiết hệ thống

2.3.1 Thiết kế giao diện

2.3.1.1 Ứng dụng

2.3.1.2 Website

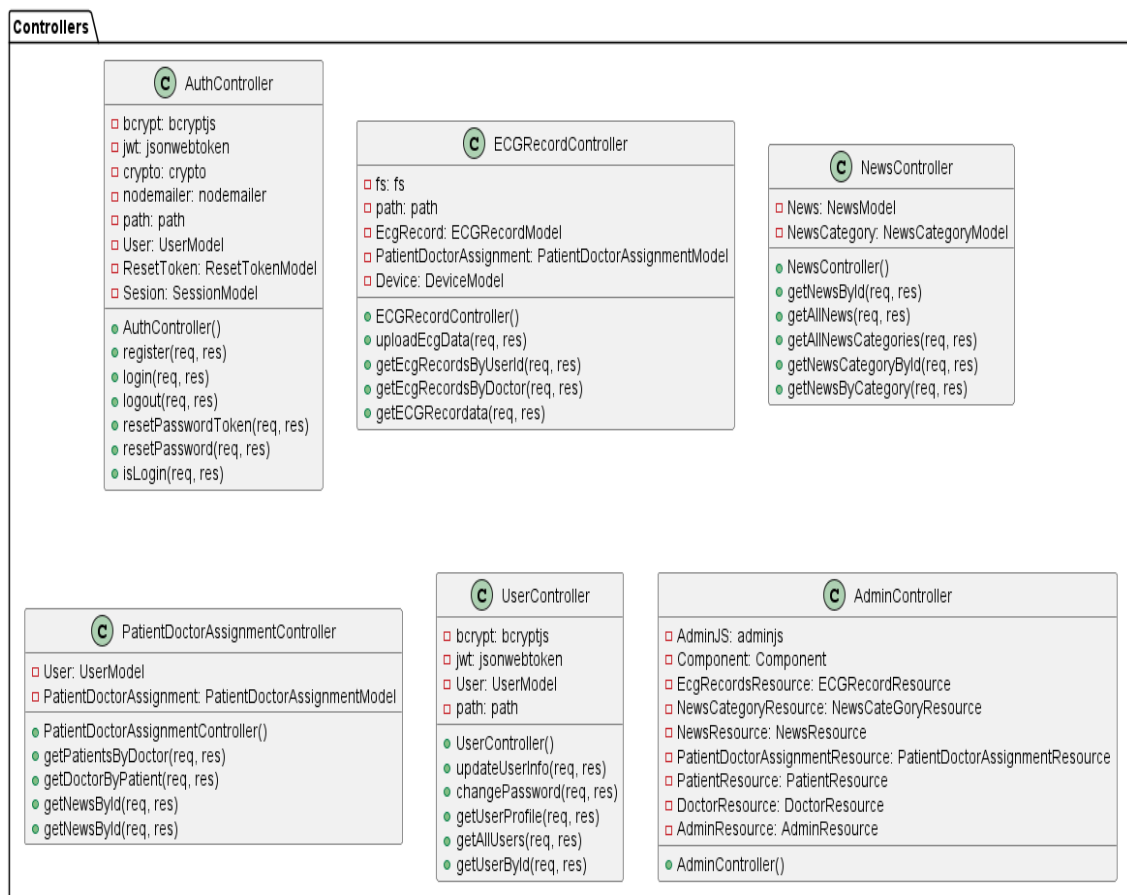
2.3.2 Thiết kế API

2.3.3 Sơ đồ lớp

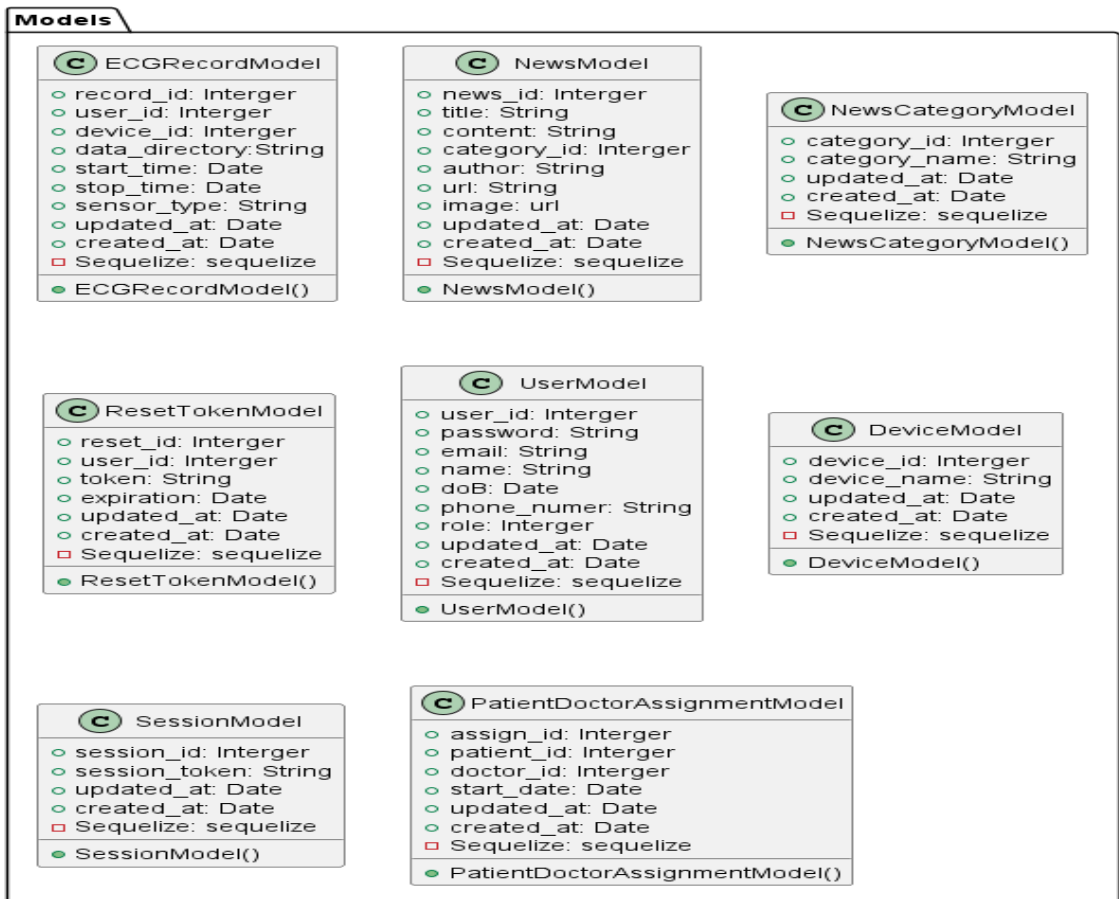
2.3.3.1 Ứng dụng

2.3.3.2 Server và Website quản trị hệ thống

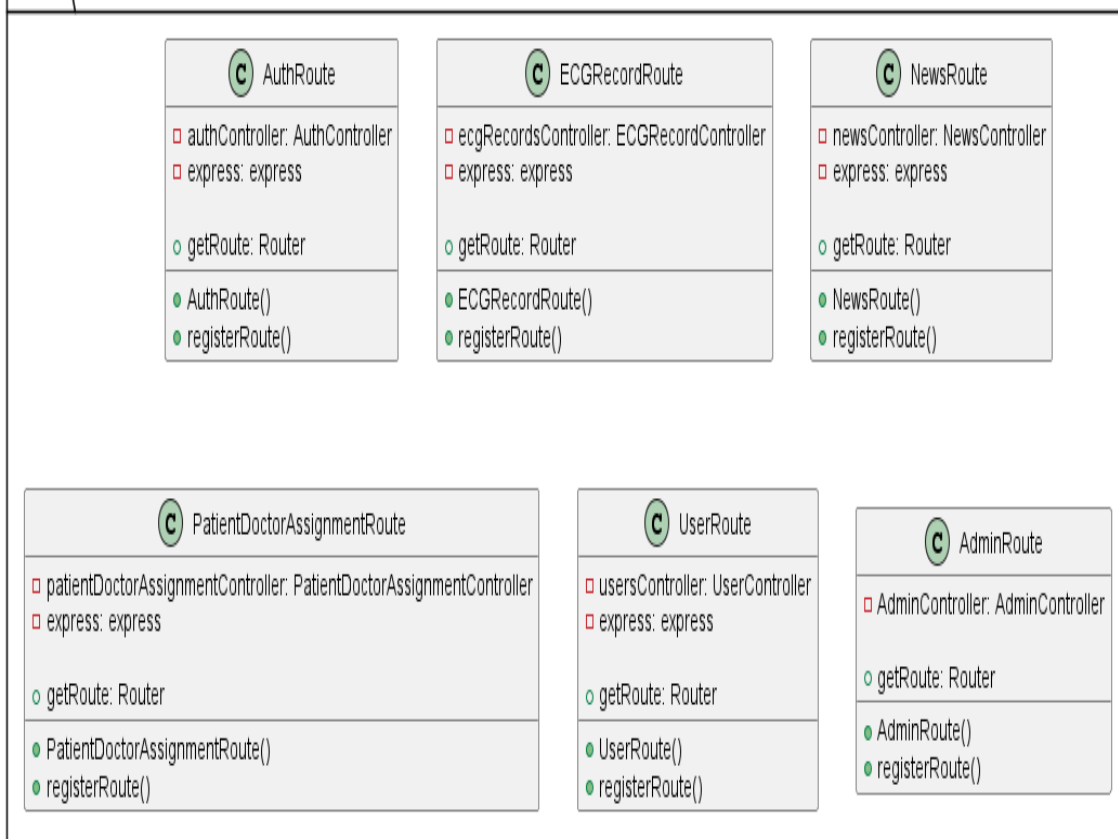
a) Danh sách các class diagram

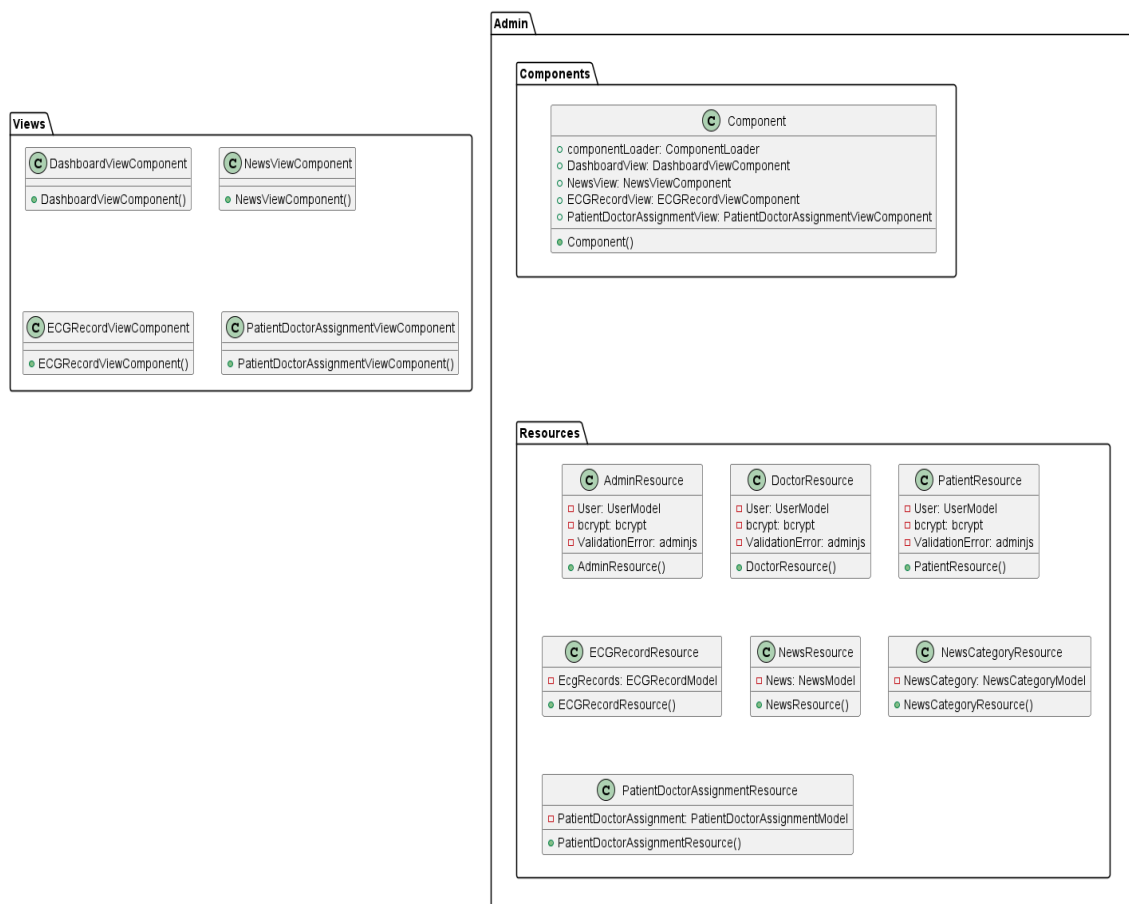


Hình 2.1 Sơ đồ lớp



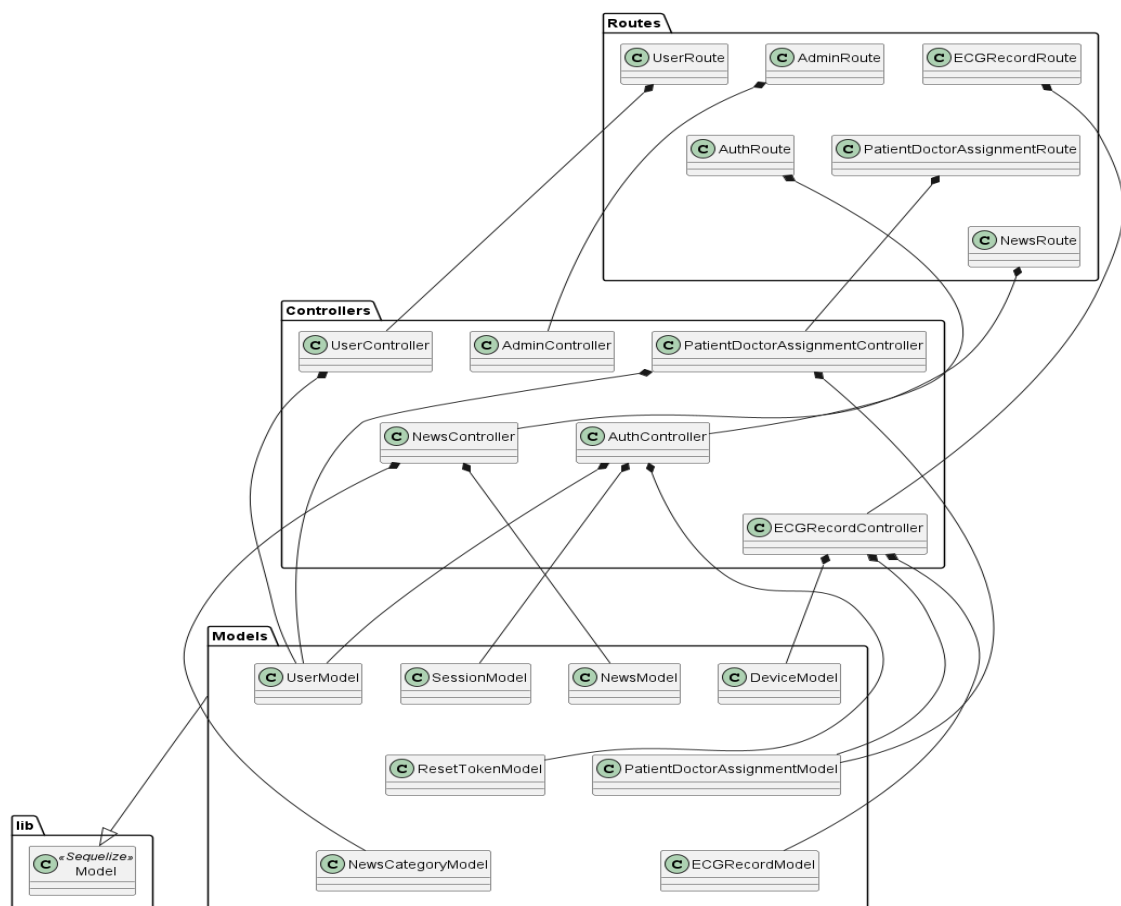
Hình 2.2 Sơ đồ lớp

**Hình 2.3** Sơ đồ lớp

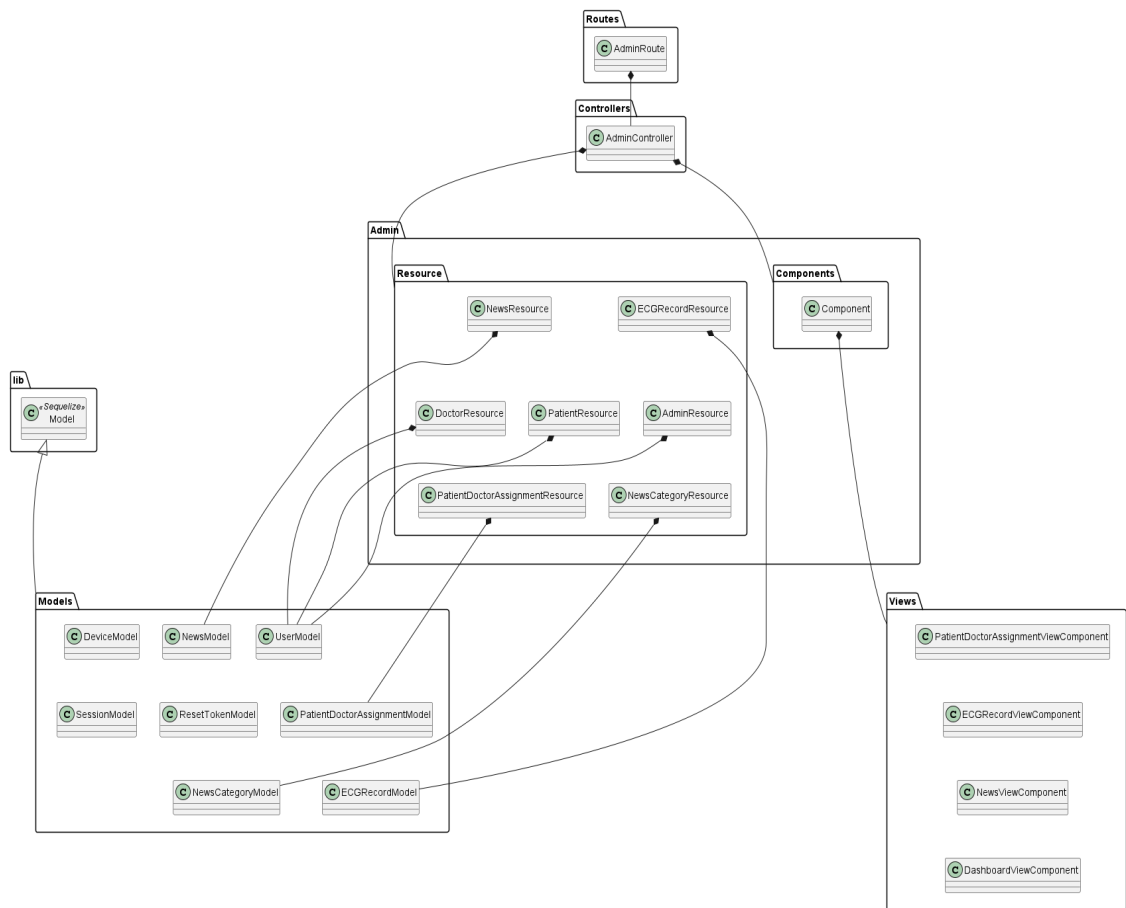


Hình 2.4 Sơ đồ lớp

b) Mỗi quan hệ

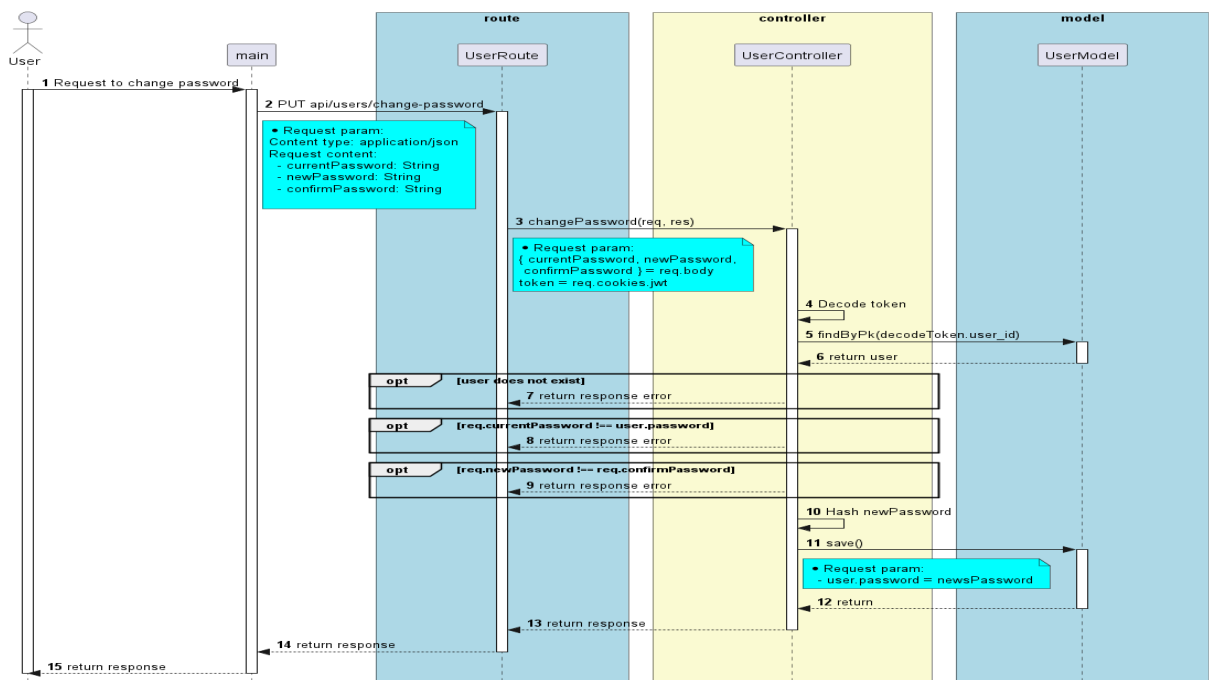


Hình 2.5 Sơ đồ lớp

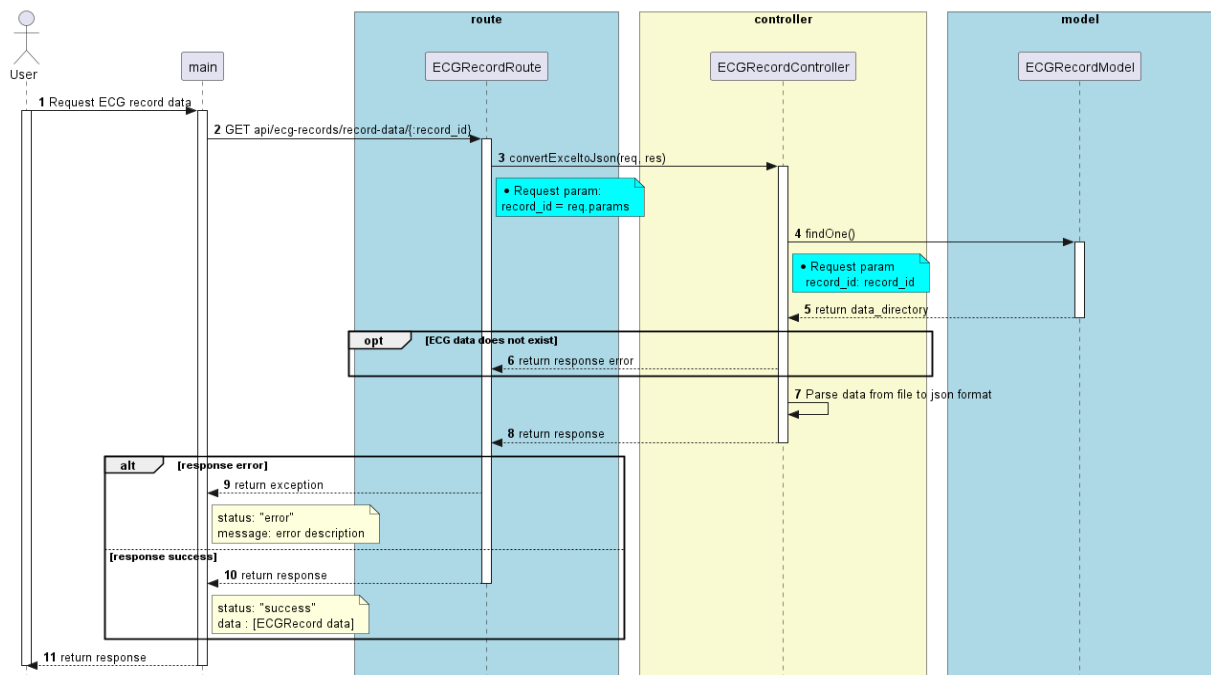


Hình 2.6 Sơ đồ lớp

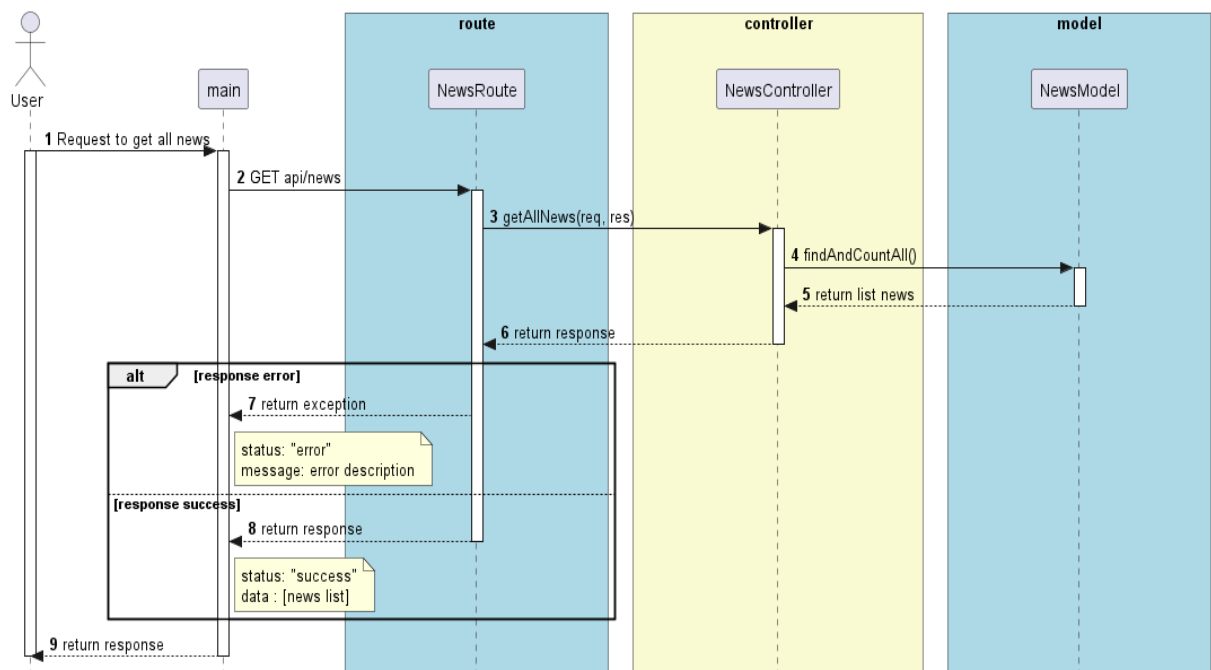
2.3.4 Sơ đồ tuần tự



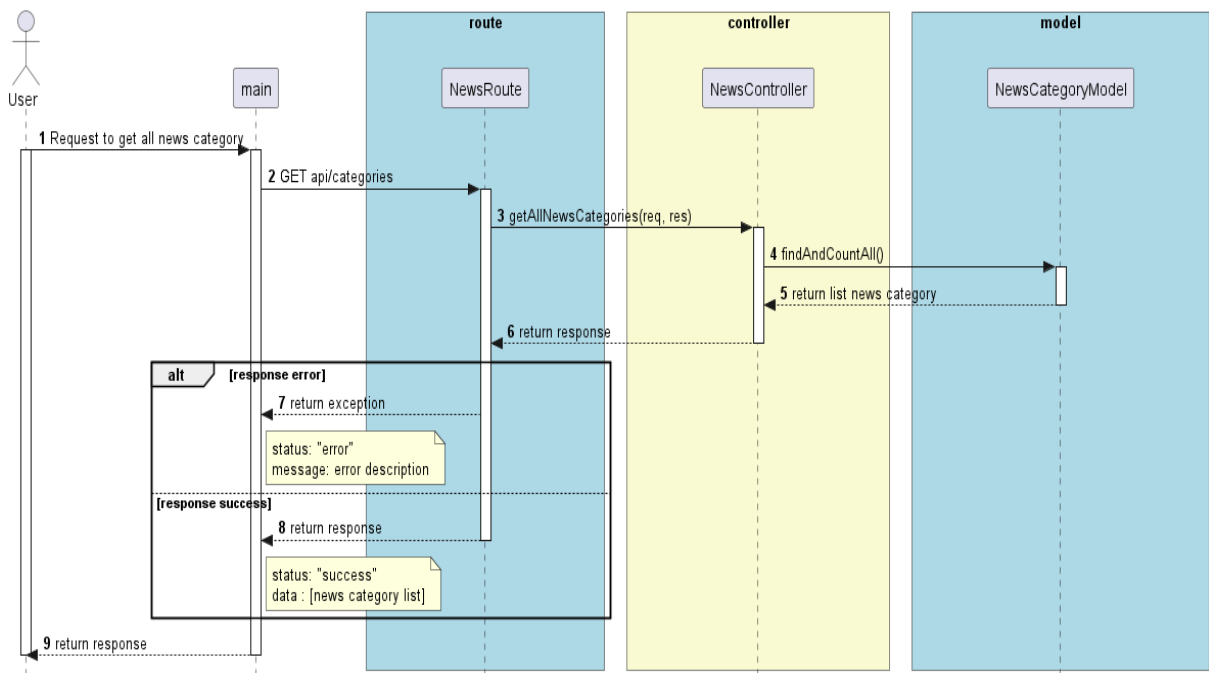
Hình 2.7 Sơ đồ tuần



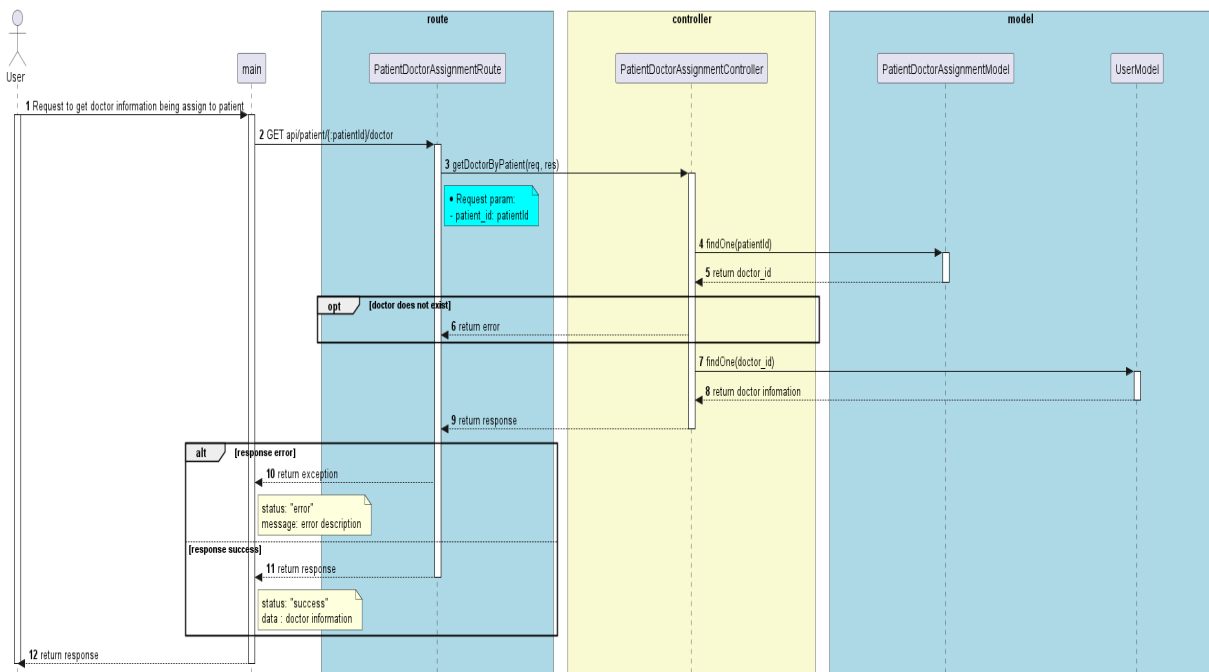
Hình 2.8 Sơ đồ tuần



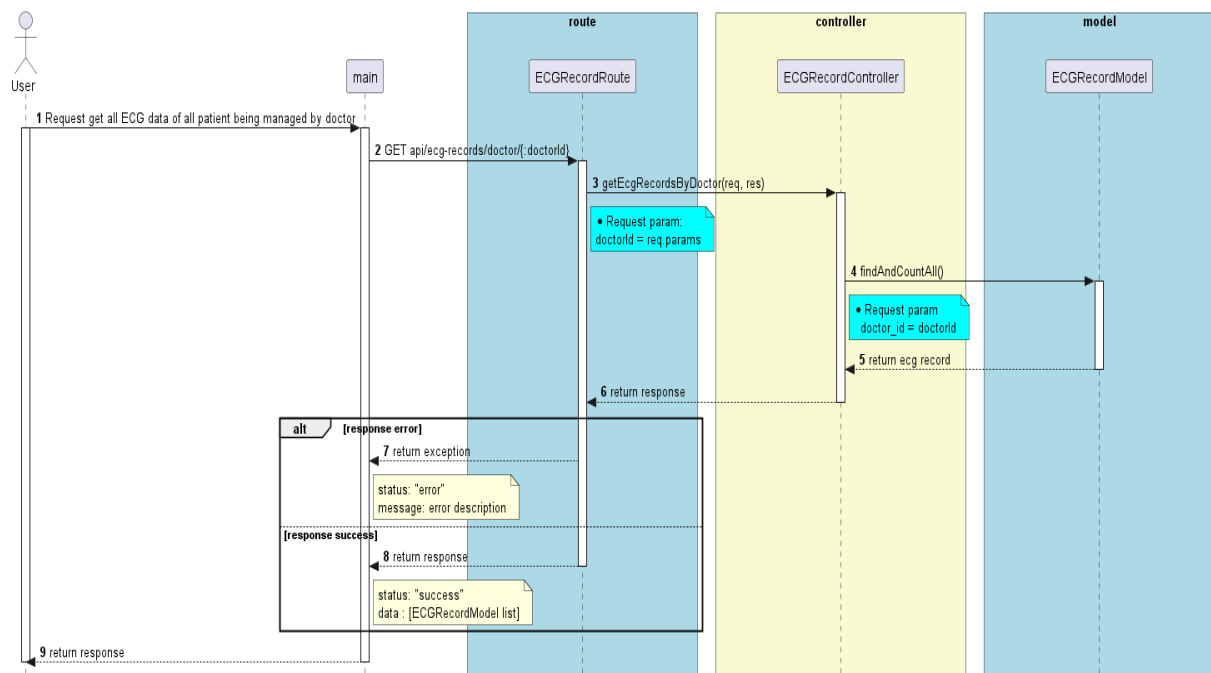
Hình 2.9 Sơ đồ tuần



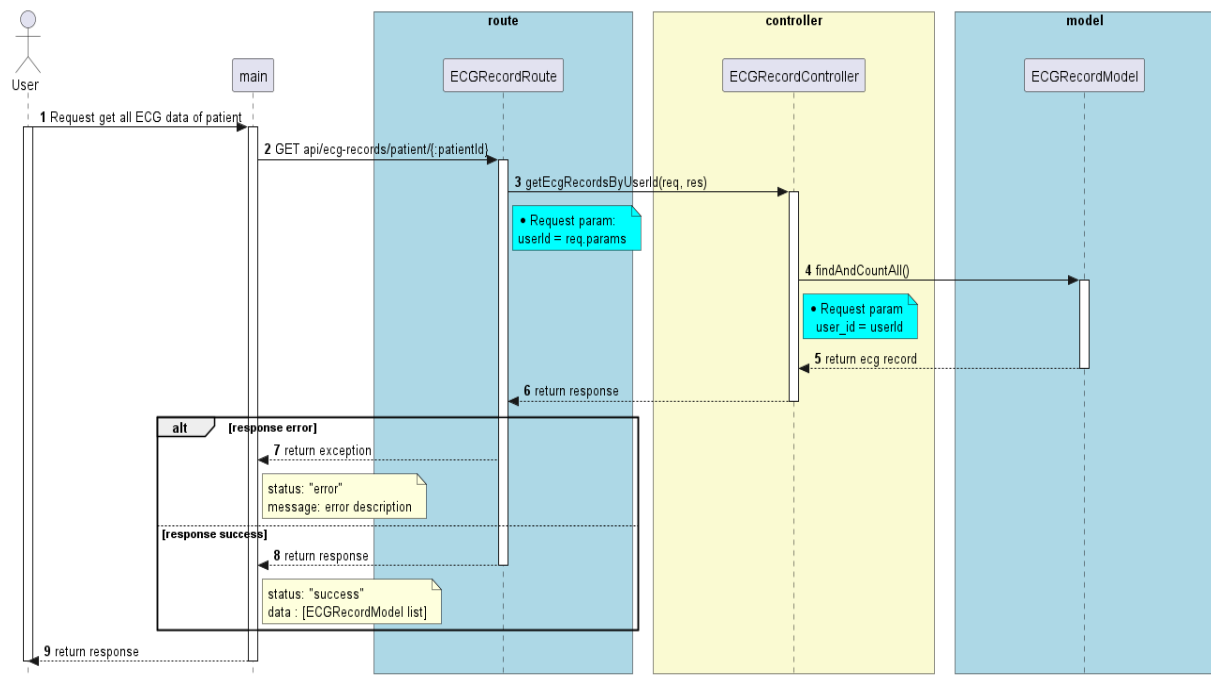
Hình 2.10 Sơ đồ tuần



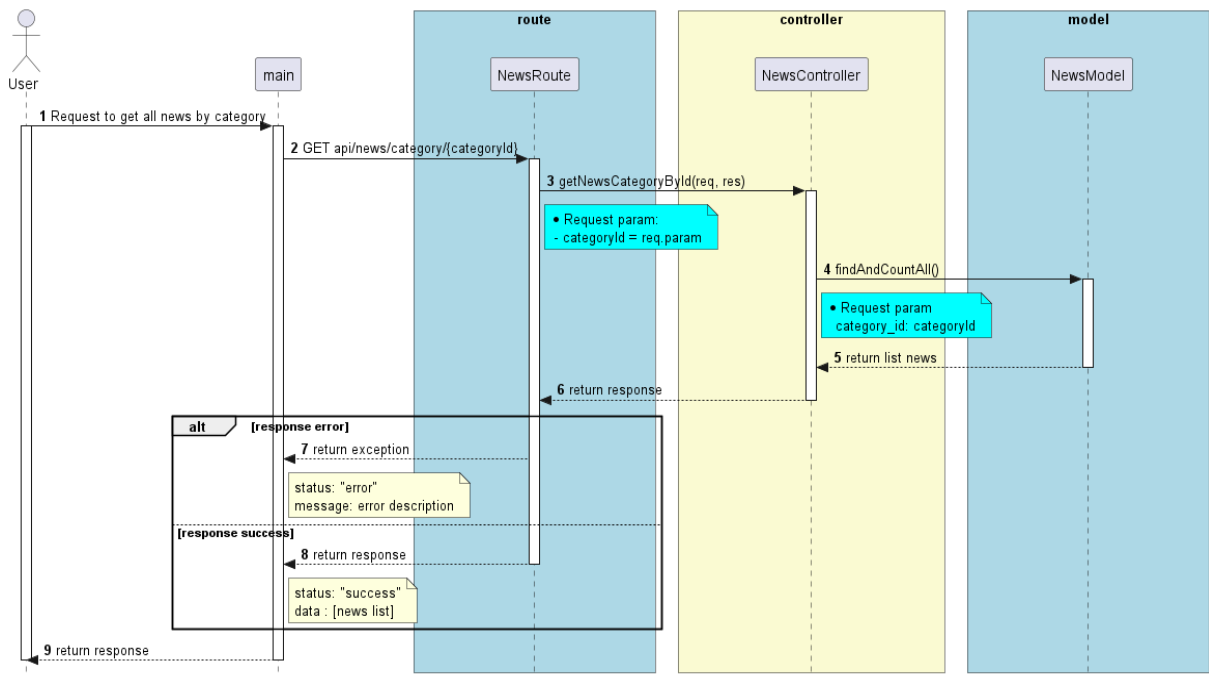
Hình 2.11 Sơ đồ tuần



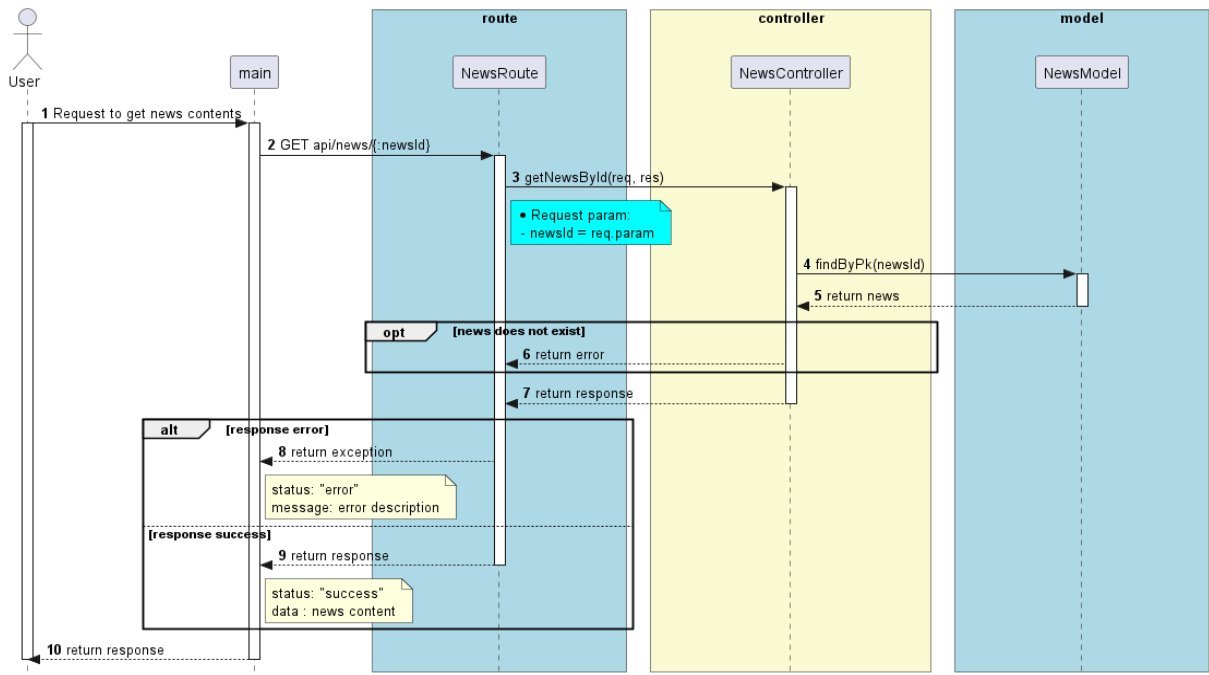
Hình 2.12 Sơ đồ tuần



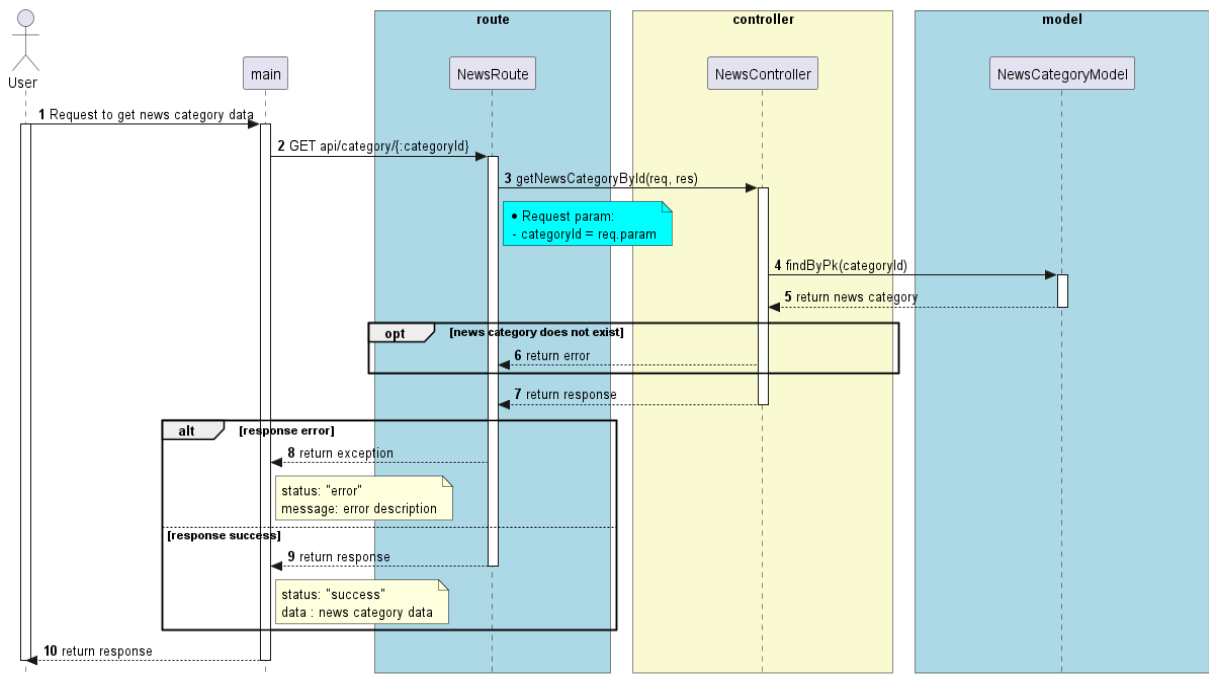
Hình 2.13 Sơ đồ tuần



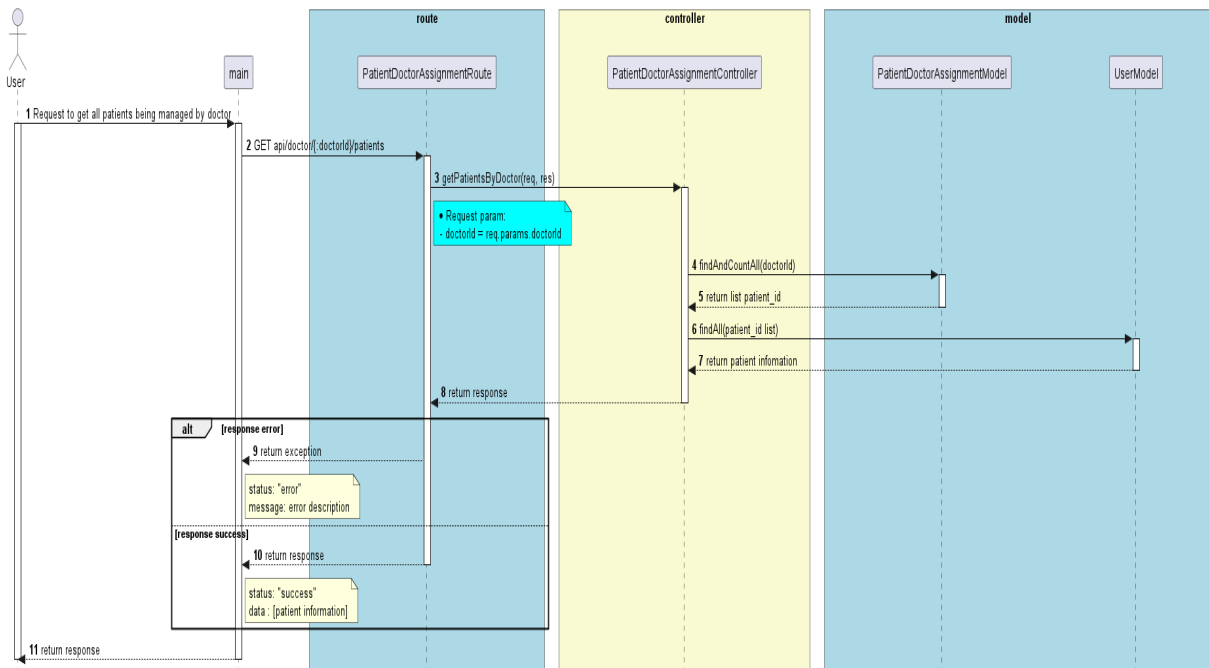
Hình 2.14 Sơ đồ tuần



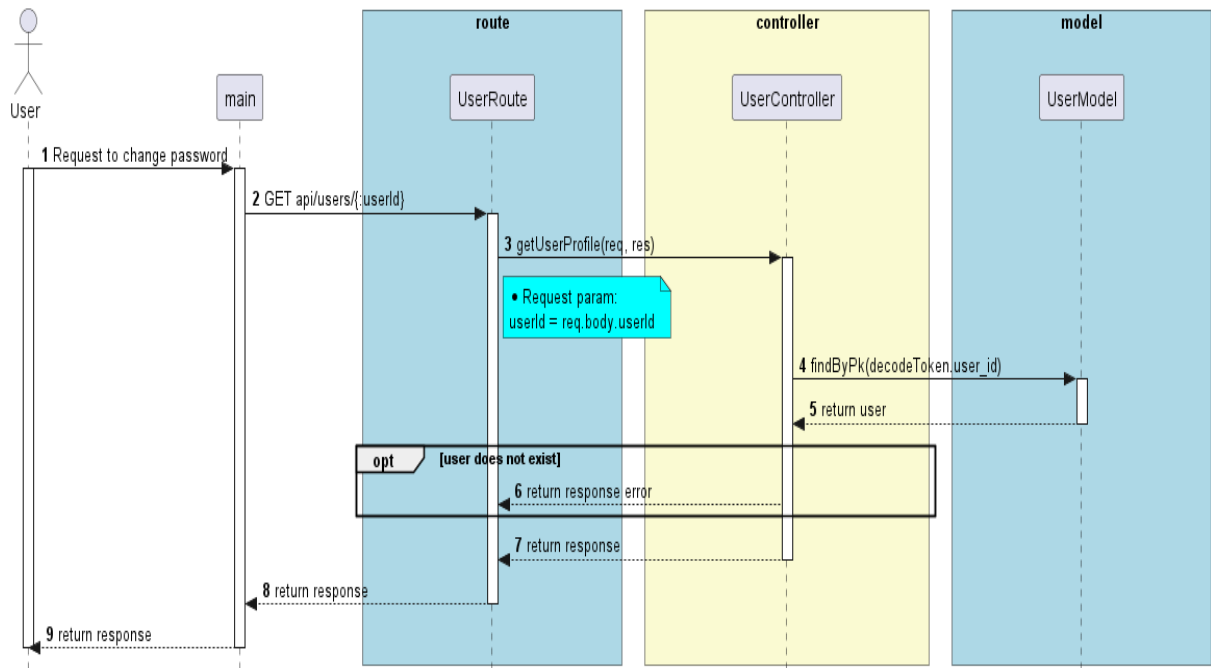
Hình 2.15 Sơ đồ tuần



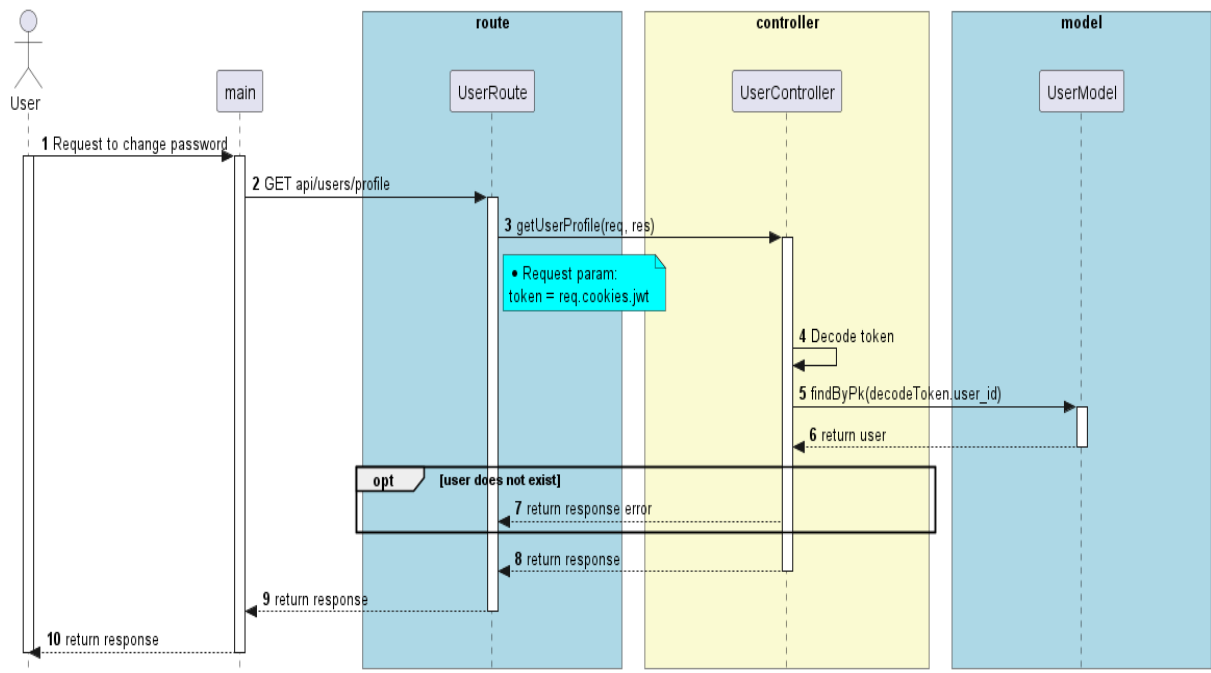
Hình 2.16 Sơ đồ tuần



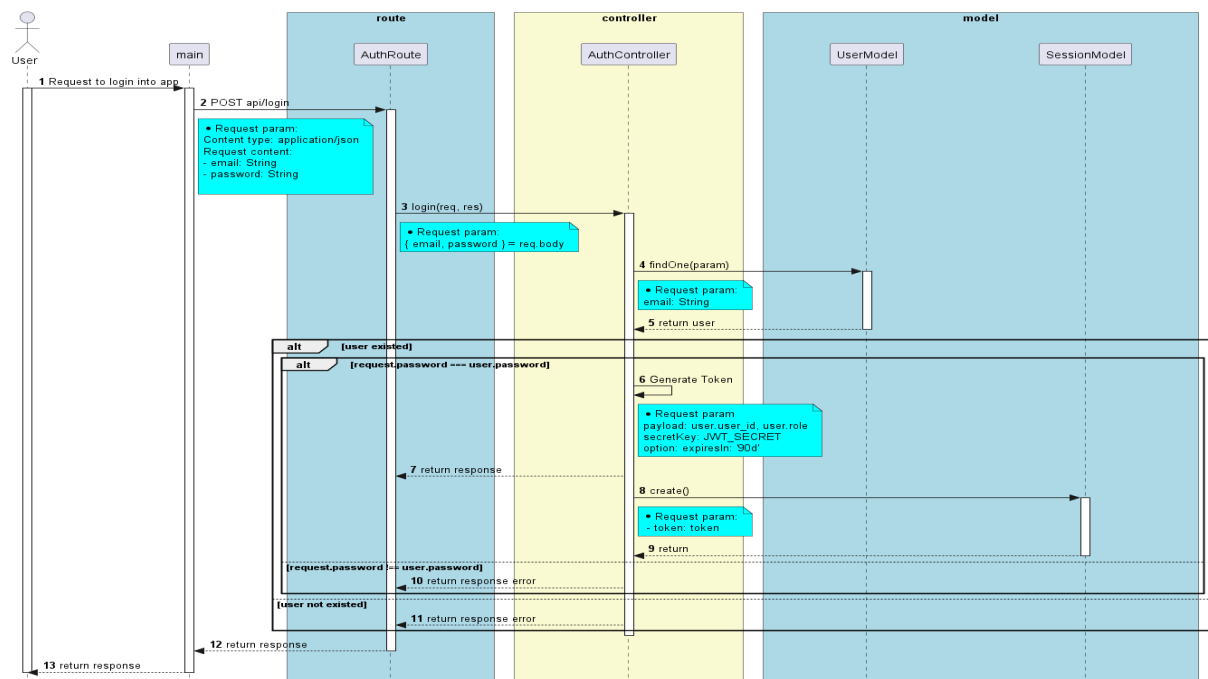
Hình 2.17 Sơ đồ tuần



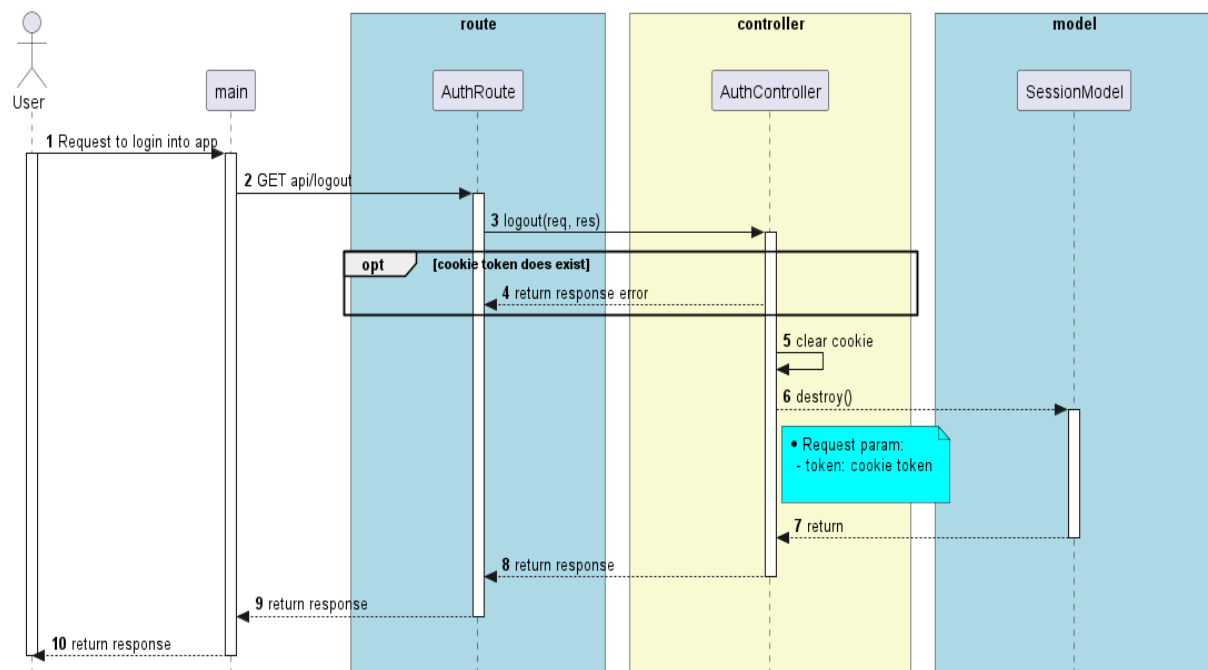
Hình 2.18 Sơ đồ tuần



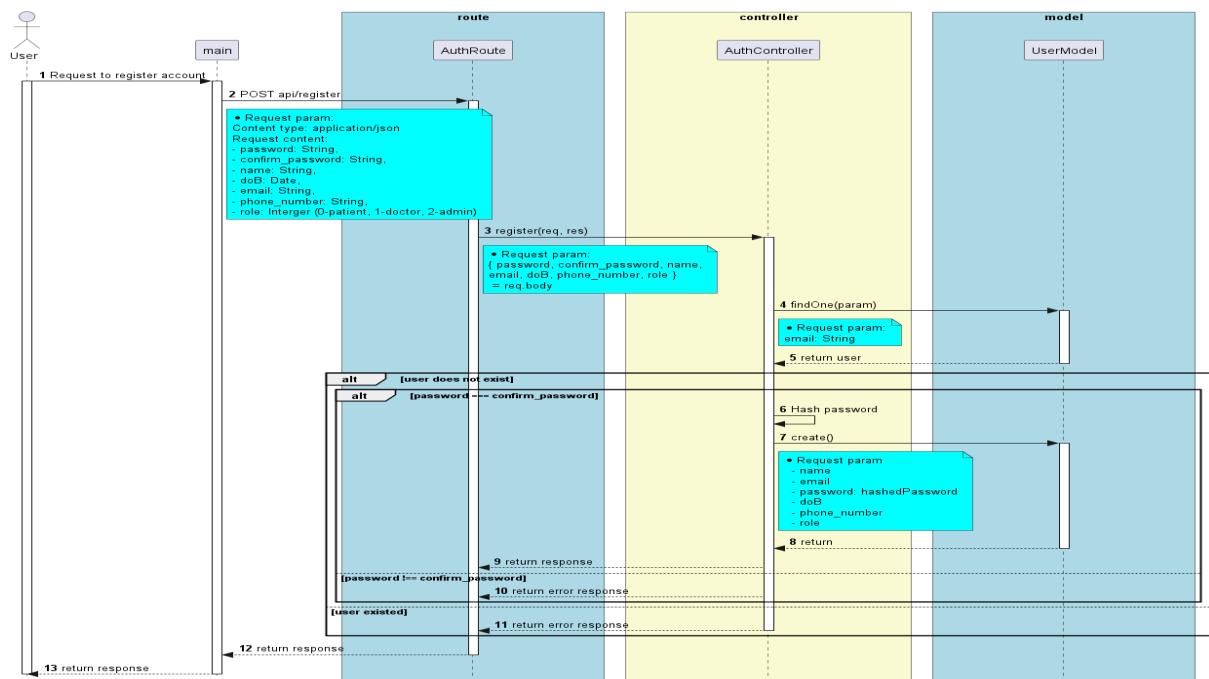
Hình 2.19 Sơ đồ tuần



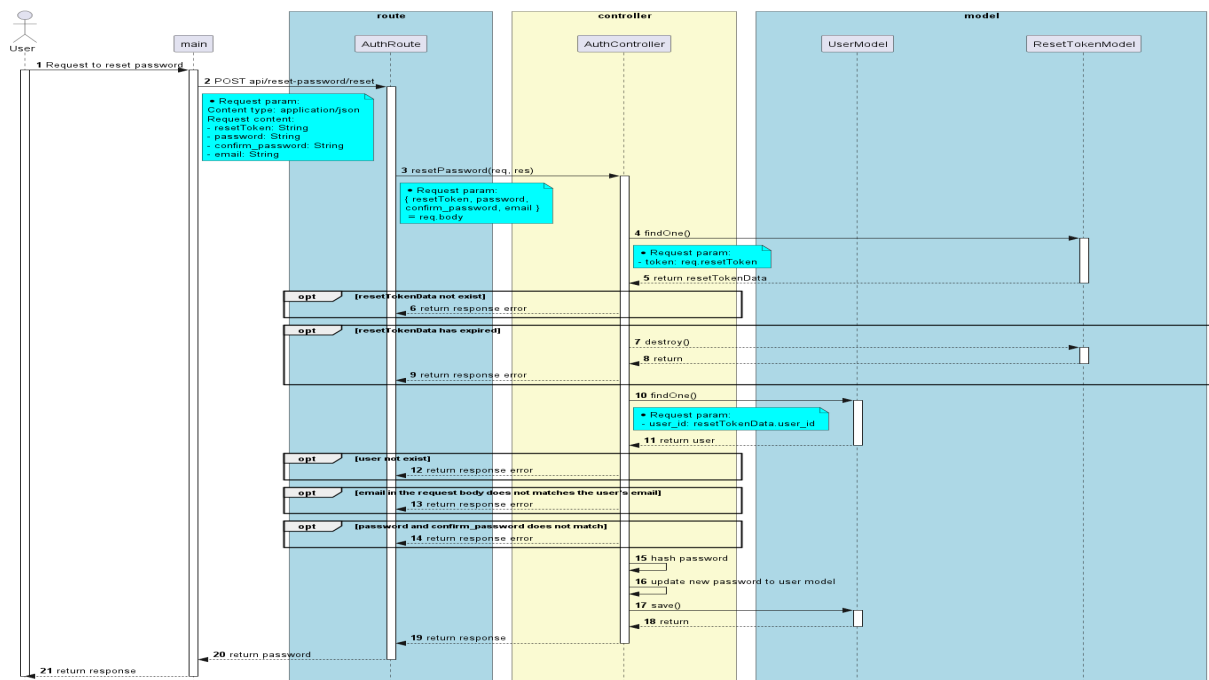
Hình 2.20 Sơ đồ tuần



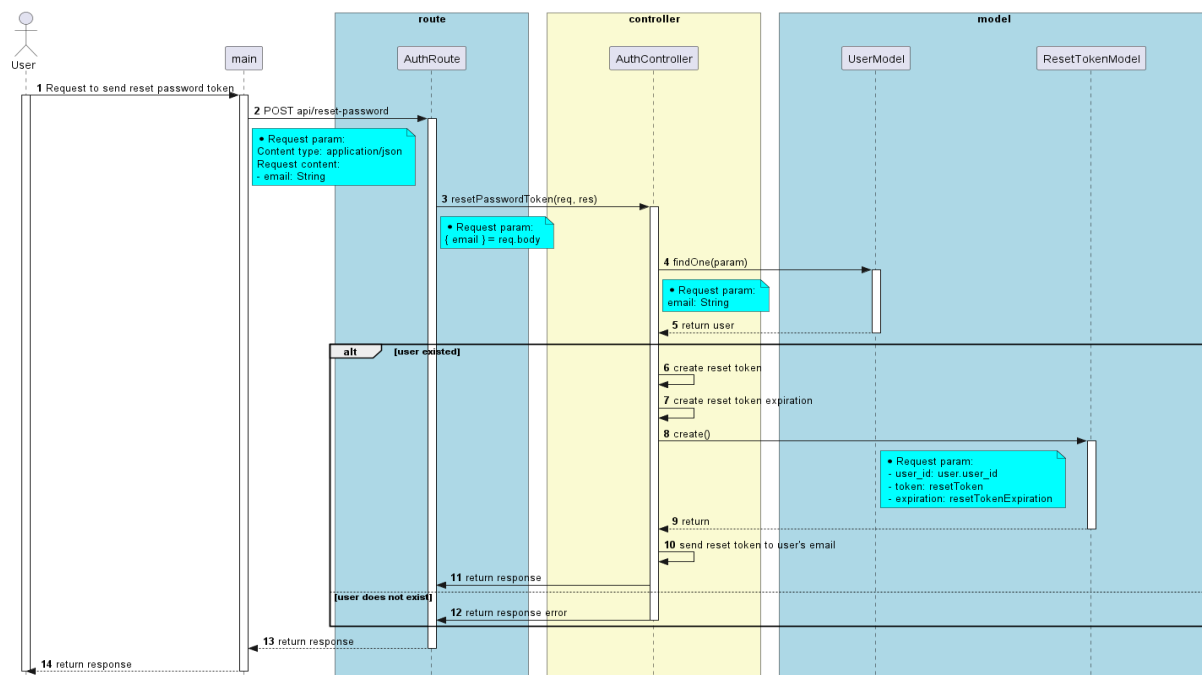
Hình 2.21 Sơ đồ tuần



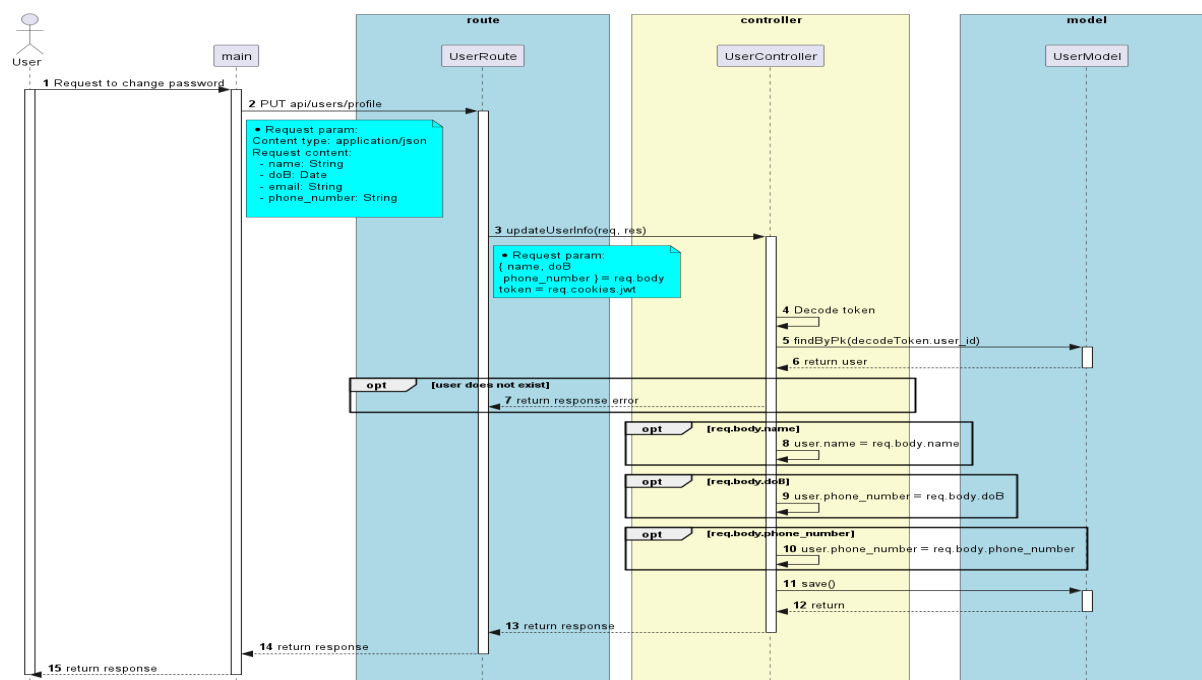
Hình 2.22 Sơ đồ tuần



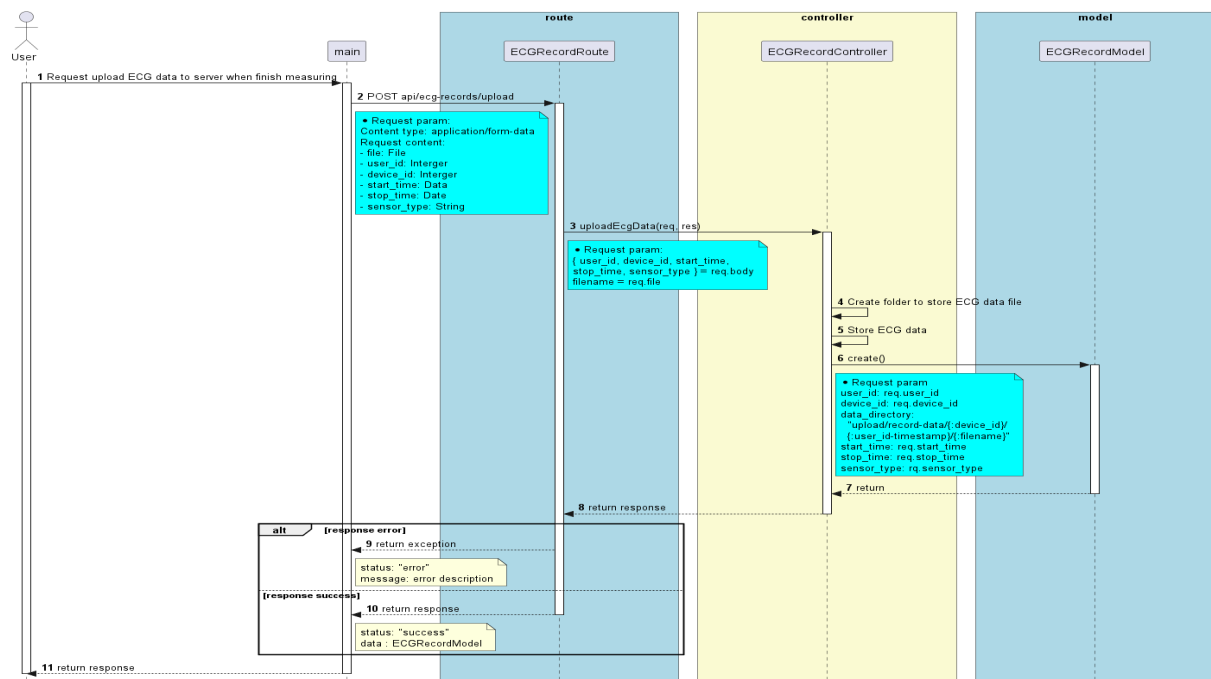
Hình 2.23 Sơ đồ tuần



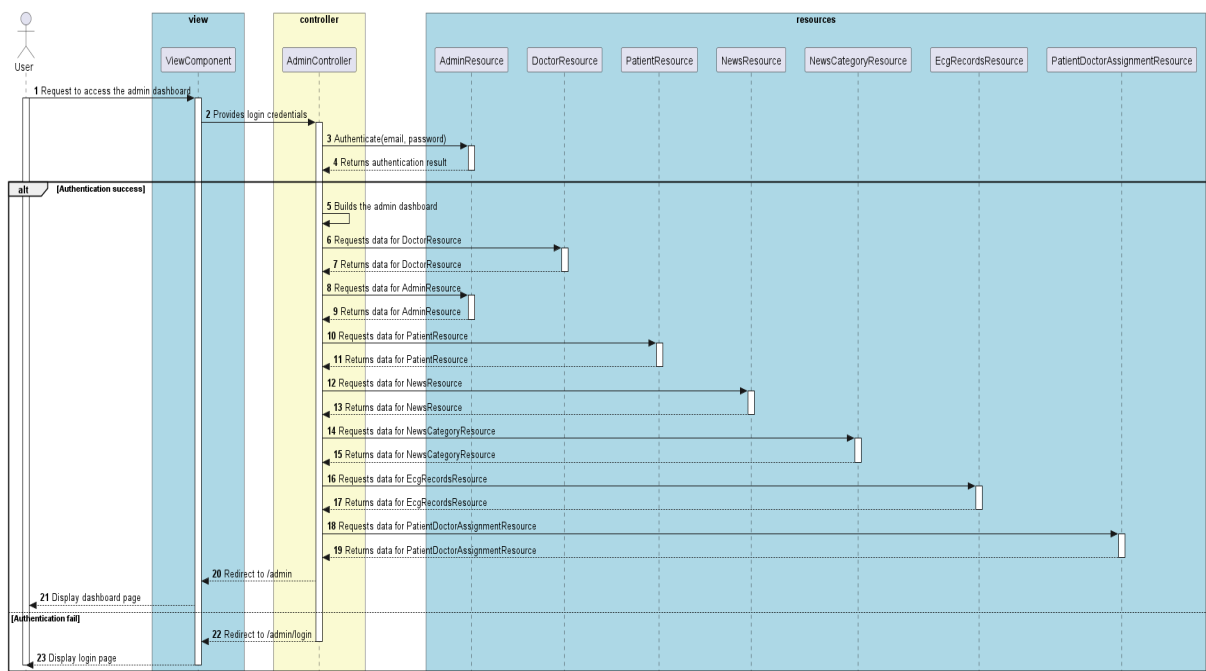
Hình 2.24 Sơ đồ tuần



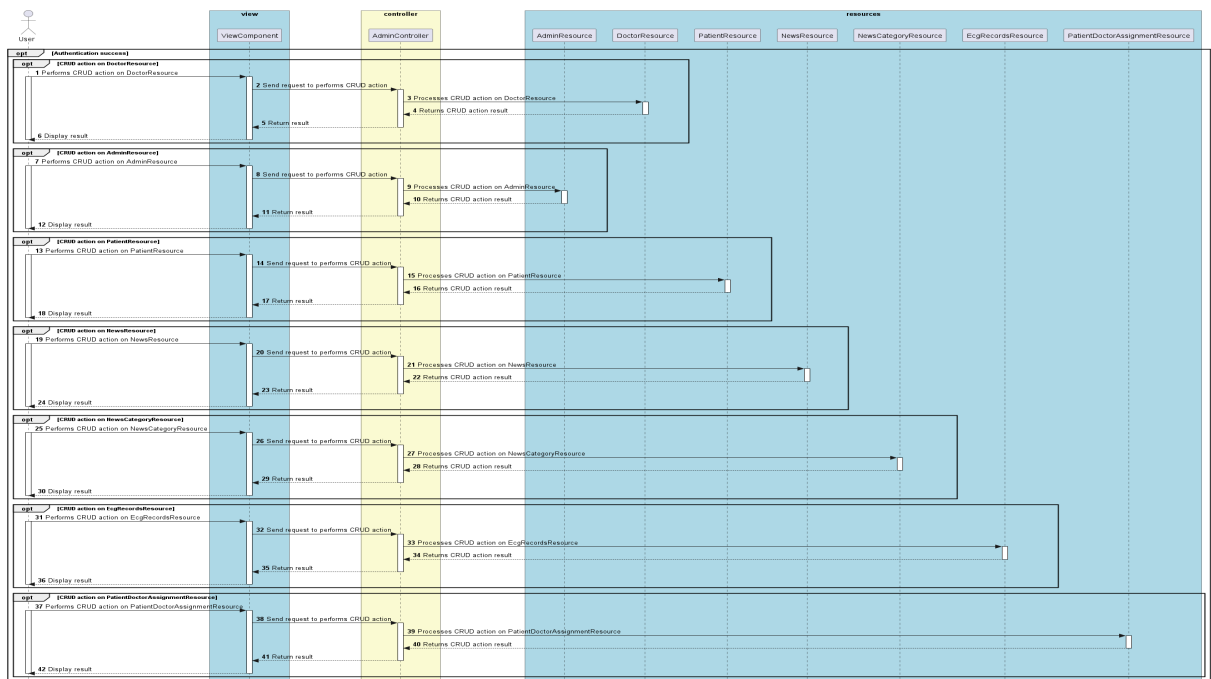
Hình 2.25 Sơ đồ tuần



Hình 2.26 Sơ đồ tuần



Hình 2.27 Sơ đồ tuần



Hình 2.28 Sơ đồ tuần

CHƯƠNG 3. TRIỂN KHAI VÀ KIỂM THỬ

KẾT LUẬN

Kết luận chung

Kết luận chung cho các chương trong đề án. Mục này cần nhấn mạnh những vấn đề đã giải quyết và vấn đề chưa giải quyết để đưa ra các đánh giá về mức độ hoàn thành công việc. Đánh giá này thường so sánh kết quả thu được với mục tiêu đề ra ban đầu

Hướng phát triển

(Nếu có) [1]

Kiến nghị và đề xuất

(nếu có)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] D. T. Nhu Y, N. T. Hoang, P. K. Lieu, H. Harada, N. Brion, D. V. Hieu, N. V. Hop, and H. Olde Venterink, “Effects of nutrient supply and nutrient ratio on diversity–productivity relationships of phytoplankton in the cau hai lagoon, vietnam,” *Ecology and evolution*, vol. 9, no. 10, pp. 5950–5962, 2019.

PHỤ LỤC

Mã nguồn chương trình nếu có được đưa và đây sử dụng font Courier New, cỡ 10pt.

ĐÁNH GIÁ QUYỀN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

(Dùng cho giảng viên hướng dẫn)

Tên giảng viên đánh giá:

Họ và tên Sinh Viên:

MSSV:

Tên đồ án:

Chọn các mức điểm phù hợp cho sinh viên trình bày theo các tiêu chí dưới đây:

Rất kém (1); Kém (2); Đạt (3); Giỏi (4); Xuất sắc (5)

Có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành (20)						
1	Nêu rõ tính cấp thiết và quan trọng của đề tài, các cần đề và các giả thuyết (bao gồm mục đích và tính phù hợp) cũng như phạm vi ứng dụng của đồ án	1	2	3	4	5
2	Cập nhật kết quả nghiên cứu gần đây nhất (trong nước/quốc tế)	1	2	3	4	5
3	Nêu rõ và chi tiết phương pháp nghiên cứu/giải quyết vấn đề	1	2	3	4	5
4	Có kết quả mô phỏng/thực nghiệm và trình bày rõ ràng kết quả đo được	1	2	3	4	5
Có khả năng phân tích và đánh giá kết quả (15)						
5	Kế hoạch làm việc rõ ràng bao gồm mục tiêu và phương pháp thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu lý thuyết một cách có hệ thống	1	2	3	4	5
6	Kết quả được trình bày một cách logic và dễ hiểu, tất cả kết quả đều được phân tích và đánh giá thỏa đáng.	1	2	3	4	5
7	Trong phần kết luận, tác giả chỉ rõ sự khác biệt (nếu có) giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai.	1	2	3	4	5
Kỹ năng viết quyền đồ án (10)						
8	Đồ án trình bày đúng mẫu quy định với cấu trúc các chương logic và đẹp mắt (bảng biểu, hình ảnh rõ ràng, có tiêu đề, được đánh số thứ tự và được giải thích hay đề cập đến trong đồ án, có căn lề, dấu cách sau dấu chấm, dấu phẩy v.v), có mở đầu chương và kết luận chương, có liệt kê tài liệu tham khảo và có trích dẫn đúng quy định	1	2	3	4	5
9	Kỹ năng viết xuất sắc (cấu trúc câu chuẩn, văn phong khoa học, lập luận logic và có cơ sở, từ vựng sử dụng phù hợp v.v.).	1	2	3	4	5
Thành tựu nghiên cứu khoa học (5) (chọn 1 trong 3 trường hợp)						
10a	Có bài báo khoa học được đăng hoặc chấp nhận đăng/đạt giải SVNC khoa học giải 3 cấp Viện trở lên/các giải thưởng khoa học (quốc tế/trong nước) từ giải 3 trở lên/ Có đăng ký bằng phát minh sáng chế	1	2	3	4	5
10b	Được báo cáo tại hội đồng cấp Viện trong hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/Đạt giải khuyến khích trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế khác về chuyên ngành như TI contest.).	1	2	3	4	5
10c	Không có thành tích về nghiên cứu khoa học	1	2	3	4	5
Điểm tổng		/50				
Điểm tổng quy đổi về thang 10						

Nhận xét khác (về thái độ và tinh thần làm việc của sinh viên)

Hà Nội, ngày tháng năm

Người nhận xét

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐÁNH GIÁ QUYỀN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

(Dùng cho cán bộ phản biện)

Tên giảng viên đánh giá:

Họ và tên Sinh Viên:

MSSV:

Tên đồ án:

Chọn các mức điểm phù hợp cho sinh viên trình bày theo các tiêu chí dưới đây:

Rất kém (1); Kém (2); Đạt (3); Giỏi (4); Xuất sắc (5)

Có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành (20)						
1	Nêu rõ tính cấp thiết và quan trọng của đề tài, các cần đề và các giả thuyết (bao gồm mục đích và tính phù hợp) cũng như phạm vi ứng dụng của đồ án	1	2	3	4	5
2	Cập nhật kết quả nghiên cứu gần đây nhất (trong nước/quốc tế)	1	2	3	4	5
3	Nêu rõ và chi tiết phương pháp nghiên cứu/giải quyết vấn đề	1	2	3	4	5
4	Có kết quả mô phỏng/thực nghiệm và trình bày rõ ràng kết quả đo được	1	2	3	4	5
Có khả năng phân tích và đánh giá kết quả (15)						
5	Kế hoạch làm việc rõ ràng bao gồm mục tiêu và phương pháp thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu lý thuyết một cách có hệ thống	1	2	3	4	5
6	Kết quả được trình bày một cách logic và dễ hiểu, tất cả kết quả đều được phân tích và đánh giá thỏa đáng.	1	2	3	4	5
7	Trong phần kết luận, tác giả chỉ rõ sự khác biệt (nếu có) giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai.	1	2	3	4	5
Kỹ năng viết quyền đồ án (10)						
8	Đồ án trình bày đúng mẫu quy định với cấu trúc các chương logic và đẹp mắt (bảng biểu, hình ảnh rõ ràng, có tiêu đề, được đánh số thứ tự và được giải thích hay đề cập đến trong đồ án, có căn lề, dấu cách sau dấu chấm, dấu phẩy v.v), có mở đầu chương và kết luận chương, có liệt kê tài liệu tham khảo và có trích dẫn đúng quy định	1	2	3	4	5
9	Kỹ năng viết xuất sắc (cấu trúc câu chuẩn, văn phong khoa học, lập luận logic và có cơ sở, từ vựng sử dụng phù hợp v.v.).	1	2	3	4	5
Thành tựu nghiên cứu khoa học (5) (chọn 1 trong 3 trường hợp)						
10a	Có bài báo khoa học được đăng hoặc chấp nhận đăng/đạt giải SVNC khoa học giải 3 cấp Viện trở lên/các giải thưởng khoa học (quốc tế/trong nước) từ giải 3 trở lên/ Có đăng ký bằng phát minh sáng chế	1	2	3	4	5
10b	Được báo cáo tại hội đồng cấp Viện trong hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/Đạt giải khuyến khích trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế khác về chuyên ngành như TI contest.).	1	2	3	4	5
10c	Không có thành tích về nghiên cứu khoa học	1	2	3	4	5
Điểm tổng		/50				
Điểm tổng quy đổi về thang 10						

Nhận xét khác của cán bộ phản biện

Hà Nội, ngày tháng năm

Người nhận xét

(Ký và ghi rõ họ tên)